

Hà Nội, ngày 24 tháng 5 năm 2018

**BIÊN BẢN HỌP HỘI ĐỒNG KHOA
KHOA DẦU KHÍ**

**Về việc rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo, đề cương chi tiết học phần,
chuẩn đầu ra chuyên ngành Thiết bị dầu khí - Mã số: 752060403
(Ngành Kỹ thuật dầu khí - Mã số: 7520604)**

1. Hội đồng Khoa Dầu khí gồm các thành viên kèm theo Quyết định số 321/QĐ-MĐC, ngày 29/3/2018 về việc thành lập Hội đồng Khoa của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất.

2. Đại diện lãnh đạo Bộ môn Thiết bị dầu khí

Thời gian: 8h30, ngày tháng năm 2018.

Địa điểm: Phòng Hội thảo Khoa Dầu khí, tầng 9 nhà C12, trường Đại học Mỏ - Địa chất.

II. NỘI DUNG

1. PGS.TS Nguyễn Thế Vinh - Chủ tịch Hội đồng Khoa giới thiệu nội dung cuộc họp: Chương trình đào tạo, kế hoạch đào tạo, đề cương chi tiết học phần, chuẩn đầu ra chuyên ngành Thiết bị dầu khí - Mã số: 752060403 (ngành Kỹ thuật dầu khí - Mã số: 7520604) - Khoa Dầu khí. Chương trình đào tạo của ngành được xây dựng theo chương trình khung trình độ đại học của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. TS. Lê Đức Vinh - Trưởng Bộ môn Thiết bị dầu khí và Công trình đại diện cho Bộ môn trình bày chi tiết về nội dung rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo của chuyên ngành Thiết bị dầu khí - Mã số: 752060403 (ngành Kỹ thuật dầu khí - Mã số: 7520604). Trình bày những nội dung sau:

- Mục tiêu của Chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật dầu khí: Sự cần thiết đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ cho công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

- Thời gian đào tạo 05 năm theo Quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo

- Khối lượng kiến thức toàn khóa (tính bằng số tín chỉ): 163 tín chỉ.

- Đối tượng tuyển sinh: Theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

- Nội dung chương trình: Kiến thức giáo dục đại cương (kiến thức bắt buộc và kiến thức tự chọn) và kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành bắt buộc, kiến thức chuyên ngành, thực tập tốt nghiệp, đồ án tốt nghiệp).

THE UNIVERSITY OF CHICAGO
DIVISION OF THE PHYSICAL SCIENCES
DEPARTMENT OF CHEMISTRY

RESEARCH REPORT
NO. 1000

THE REACTION OF
HYDROGEN PEROXIDE
WITH
HYDROLYZABLE
POLYMERIZATION

BY
J. H. KILPATRICK
AND
J. H. KILPATRICK

DEPARTMENT OF CHEMISTRY
UNIVERSITY OF CHICAGO
CHICAGO, ILLINOIS

RECEIVED
MAY 15, 1964

ABSTRACT
The reaction of hydrogen peroxide with hydrolyzable polymerization

has been studied. The reaction is first order in hydrogen peroxide and

first order in the polymerization. The reaction is catalyzed by

hydrogen peroxide and the rate of reaction is independent of the

concentration of the polymerization. The reaction is catalyzed by

hydrogen peroxide and the rate of reaction is independent of the

concentration of the polymerization. The reaction is catalyzed by

III. CÁC Ý KIẾN CỦA CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG

1. PGS.TS Nguyễn Trọng Tín – Viện Dầu khí:

2. Nội dung kiến thức của chương trình đào tạo trình độ đại học được thiết kế với thời lượng 5 năm là phù hợp với khối lượng kiến thức 163TC.

2. PGS.TS Nguyễn Thế Vinh – Trưởng Khoa, Chủ tịch Hội đồng, Trưởng Bộ môn Khoan Khai thác:

- Chương trình đào tạo kỹ sư Thiết bị Dầu khí được rà soát, điều chỉnh, xây dựng dựa trên CTĐT đại học chính quy chuyên ngành Thiết bị Dầu khí năm 2016 có tham khảo chương trình đào tạo ngành Máy và Thiết bị Dầu khí của Trường Đại học Gubkin, Liên bang Nga

- Tuy nhiên nên bỏ một số môn học như chuyên ngành như Kỹ thuật đo, Công nghệ sửa chữa máy, Đồ án thiết bị khoan, Đồ án thiết bị khai thác.... để thay bằng một số môn chuyên ngành & cần đảm bảo cấu trúc của chương trình.

3. TS. Nguyễn Tiến Hùng – Phó trưởng trưởng Bộ môn Khoan – Khai thác:

Chương trình đào tạo kỹ sư Thiết bị Dầu khí được xây dựng phù hợp cả về mục tiêu, cấu trúc, nội dung chương trình, đáp ứng được yêu cầu của thực tế sản xuất. Sinh viên sau khi tốt nghiệp có khả năng học liên thông sang các chuyên ngành khác và các trình độ đào tạo tiếp theo

4. TS. Phạm Văn Tuấn - Trưởng bộ môn Địa chất Dầu khí:

Đề cương chi tiết của từng môn học cần được điều chỉnh, biên soạn, thay đổi theo yêu cầu của CTĐT mới.

5. PGS.TS Trần Đình Kiên – Bộ môn Khoan Khai thác:

- CTĐT năm 2016, Tán thành phần kiến thức chuyên ngành chọn theo 2 hướng chuyên sâu chưa hợp lý do sinh viên không được học đầy đủ về các loại thiết bị trong ngành dầu khí mà chỉ nên chọn 1 trong 2 hướng Thiết bị Khoan, hoặc Thiết bị khai thác, vận chuyển, thu gom.

- Do yêu cầu mỗi nhóm chuyên sâu đảm bảo 40 sinh viên/lớp Bộ môn nên tiến hành họp, rà soát và điều chỉnh lại chương trình theo 1 hướng chuyên sâu.

IV. PHẢN TRẢ LỜI CỦA BỘ MÔN

TS Lê Đức Vinh - Trưởng bộ môn Thiết bị dầu khí & công trình cảm ơn tất cả các thành viên Hội đồng đã có những ý kiến đóng góp quý báu cho việc rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo và đề cương chi tiết các học phần cho chuyên ngành Thiết bị dầu khí. Theo ý kiến của thành viên Hội đồng, bộ môn sẽ điều chỉnh chương trình đào tạo, đề cương chi tiết các học phần bộ môn sẽ cập nhật, bổ sung những thông tin mới hiện nay để truyền tải đến các em sinh viên những kiến thức mới nhất mà ngoài sản xuất cũng như trên thế giới đang có.

V. KẾT LUẬN CỦA HỘI ĐỒNG

Chủ tịch Hội đồng Khoa, PGS. TS Nguyễn Thế Vinh tổng kết các ý kiến của các thành viên trong Hội đồng và kết luận: Chương trình đào tạo chuyên ngành Thiết bị dầu khí

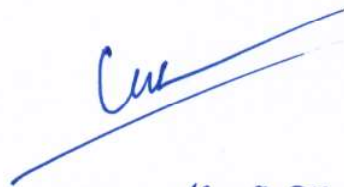
hiện nay cần được cập nhật, điều chỉnh, đề cương chi tiết cần được bổ sung để ứng được yêu cầu thực tế của xã hội.

THỦ KÝ



TS. Lê Quang Duyên

CHỦ TỌA



PGS.TS Nguyễn Thế Vinh

10278 *Agropyron Kib. Park*

Số: 265/QĐ-MĐC

Hà Nội, ngày 9 tháng 4 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo trình độ đại học chuyên ngành
Thiết bị dầu khí - Mã số: 752060403; ngành Kỹ thuật dầu khí - Mã số: 7520604 của
Khoa Dầu khí - Trường Đại học Mỏ - Địa chất

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Căn cứ Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Điều lệ trường đại học;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 07/2009/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 15/4/2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế đối với đơn vị sự nghiệp công lập giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Thông tư 22/2017/TT-BGDĐT ngày 06/9/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành quy định, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo và đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành đào tạo trình độ đại học;

Căn cứ Quyết định số 1463/QĐ-MĐC ngày 02/11/2017 của Hiệu trưởng trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc ban hành Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ đại học của Trường Đại học Mỏ - Địa chất;

Căn cứ vào Quyết định số 67/QĐ-MĐC ngày 17/01/2018 về việc thành lập Ban chỉ đạo rà soát và cập nhật chương trình đào tạo;

Căn cứ vào Quyết định số 88/QĐ-MĐC ngày 22/01/2018 về việc thành lập các Tổ công tác rà soát và cập nhật chương trình đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 1264/QĐ-MĐC ngày 21/3/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc thành lập Tổ công tác rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo, đề cương chi tiết học phần, chuẩn đầu ra cho chuyên ngành Thiết bị dầu khí - Mã số: 752060403 (ngành Kỹ thuật dầu khí - Mã số: 7520604);

Xét đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo Đại học, Trưởng phòng Đào tạo Sau đại học, Trưởng khoa Dầu khí,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo trình độ đại học chuyên ngành Thiết bị dầu khí (ngành Kỹ thuật dầu khí) gồm các thành viên trong danh sách kèm theo.

Điều 2. Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo trình độ đại học tổ chức thực hiện thẩm định chương trình theo Quy định của Thông tư 22/2017/TT-BGDĐT và được hưởng các quyền lợi khác theo quy định hiện hành. Hội đồng tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng phòng Đào tạo Đại học, Trưởng phòng Đào tạo Sau đại học, Trưởng khoa Dầu khí, Trưởng các đơn vị có liên quan và các thành viên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận: *ks*
- Như Điều 3 (để t/hiện);
- Lưu: HCTH, ĐTDH(09).



PGS.TS Lê Hải An

CHUOI BANG

1. The first part of the document is a list of names and titles of the members of the committee. The names are written in Vietnamese and the titles are in English. The list is as follows:

MEMBERS OF THE COMMITTEE

1. Mr. Nguyen Van A, Chairman of the Committee

2. Mr. Nguyen Van B, Vice Chairman of the Committee

3. Mr. Nguyen Van C, Member of the Committee

4. Mr. Nguyen Van D, Member of the Committee

5. Mr. Nguyen Van E, Member of the Committee

6. Mr. Nguyen Van F, Member of the Committee

7. Mr. Nguyen Van G, Member of the Committee

8. Mr. Nguyen Van H, Member of the Committee

9. Mr. Nguyen Van I, Member of the Committee

10. Mr. Nguyen Van J, Member of the Committee

CHUOI BANG

1. Mr. Nguyen Van A, Chairman of the Committee

2. Mr. Nguyen Van B, Vice Chairman of the Committee

3. Mr. Nguyen Van C, Member of the Committee

4. Mr. Nguyen Van D, Member of the Committee

5. Mr. Nguyen Van E, Member of the Committee

6. Mr. Nguyen Van F, Member of the Committee

7. Mr. Nguyen Van G, Member of the Committee

8. Mr. Nguyen Van H, Member of the Committee

9. Mr. Nguyen Van I, Member of the Committee

10. Mr. Nguyen Van J, Member of the Committee



THUNG HOA

**DANH SÁCH HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ
ĐẠI HỌC CHUYÊN NGÀNH THIẾT BỊ DẦU KHÍ - MÃ SỐ: 752060403**

(NGÀNH KỸ THUẬT DẦU KHÍ - MÃ SỐ: 7520604)

(Kèm theo QĐ số: 1265/QĐ-MĐC ngày 9 /4/2018

của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất)

TT	Họ tên	Đơn vị công tác	Nhiệm vụ
1	PGS.TS Cao Ngọc Lâm	Hội viên Hội Khoan-Khai thác Việt Nam	Chủ tịch hội đồng
2	TS. Lê Quang Duyến	Phó Trưởng Khoa Dầu khí, Trường Đại học Mỏ - Địa chất	Thư ký
3	PGS.TS Nguyễn Xuân Thảo	Chủ tịch Hội Khoan-Khai thác Việt Nam	Ủy viên
4	PGS.TS Hoàng Dung	Hội viên Hội Khoan-Khai thác Việt Nam	Ủy viên
5	GVC. Trần Văn Bản	Hội viên Hội Khoan-Khai thác Việt Nam	Ủy viên
6	PGS.TS Nguyễn Thế Vinh	Trưởng Khoa Dầu khí, Trường Đại học Mỏ - Địa chất	Ủy viên
7	ThS. Nguyễn Duy Tuấn	Phó Viện trưởng Viện Công nghệ Khoan	Ủy viên

Tổng số: 7 cán bộ./.



TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT
KHOA DẦU KHÍ
BỘ MÔN THIẾT BỊ DẦU KHÍ & CÔNG TRÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 09/MĐC-DK-TBĐK
V/v thành lập Hội đồng thẩm định chương trình
đào tạo trình độ đại học chuyên ngành Thiết bị Dầu
khí, ngành Kỹ thuật Dầu khí của Khoa Dầu khí,
Trường Đại học Mỏ - Địa chất

Hà Nội, ngày 06 tháng 4 năm 2018

Kính gửi: - Ban Giám hiệu;
- Phòng Đào tạo Đại học.

Căn cứ Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sỹ, tiến sỹ;

Căn cứ Quyết định số 01/2017/QĐ-TTg ngày 17/01/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Danh mục giáo dục, đào tạo của hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Thông tư 22/2017/TT-BGDĐT ngày 06/9/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành quy định, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo và đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành đào tạo trình độ đại học;

Căn cứ Thông tư số 24/2017/TT-BGDĐT ngày 10/10/2017 của Bộ Trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ đại học;

Căn cứ Quyết định số 1463/QĐ-MĐC ngày 02/11/2017 của Hiệu trưởng trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc ban hành Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ đại học của Trường Đại học Mỏ - Địa chất;

Căn cứ vào Quyết định số 67/QĐ-MĐC ngày 17/01/2018 về việc thành lập Ban chỉ đạo rà soát và cập nhật chương trình đào tạo;

Căn cứ vào Quyết định số 88/QĐ-MĐC ngày 22/01/2018 về việc thành lập các Tổ công tác rà soát và cập nhật chương trình đào tạo;

Căn cứ vào cuộc họp của bộ môn Thiết bị Dầu khí và Công trình về việc thành lập hội đồng thẩm định chương trình đào tạo cho chuyên ngành Thiết bị Dầu khí - Mã số: 752060403 (ngành Kỹ thuật Dầu khí - Mã số: 7520604).

Bộ môn đề nghị Ban Giám hiệu và phòng Đào tạo Đại học thành lập hội đồng thẩm định với danh sách như sau:

- | | |
|----------------------------|--|
| 1. PGS.TS Cao Ngọc Lâm | Hội viên Hội Khoan - Khai thác Việt Nam,
Chủ tịch Hội đồng |
| 2. TS Lê Quang Duyến | Phó trưởng Khoa Dầu khí,
Trường Đại học Mỏ - Địa chất, Thư ký |
| 3. PSG.TS Nguyễn Xuân Thảo | Chủ tịch Hội Khoan - Khai thác Việt Nam, Ủy viên. |
| 4. PGS.TS Hoàng Dung | Hội viên Hội Khoan - Khai thác Việt Nam, Ủy viên. |

5. GVC Trần Văn Bản
6. PGS.TS Nguyễn Thế Vinh
7. ThS Nguyễn Duy Tuấn

Hội viên Hội Khoan - Khai thác Việt Nam, Ủy viên.
Trưởng Khoa Dầu khí,
Trường Đại học Mỏ - Địa chất, Ủy viên.
Phó Viện trưởng Viện Công nghệ Khoan, Ủy viên.

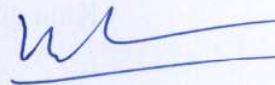
Trân trọng ./.

HỘI ĐỒNG KHOA DẦU KHÍ



PGS.TS Nguyễn Thế Vinh

TRƯỞNG BỘ MÔN



TS Lê Đức Vinh

BIÊN BẢN THẨM ĐỊNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
CHUYÊN NGÀNH THIẾT BỊ DẦU KHÍ - MÃ SỐ: 752060403
(NGÀNH KỸ THUẬT DẦU KHÍ - MÃ SỐ: 7520604)

Hôm nay, vào lúc 9h ngày 11 tháng 4 năm 2018 tại phòng C803 Trường Đại học Mở - Địa chất, Hội đồng thẩm định Chương trình hệ Đại học chính quy chuyên ngành Thiết bị Dầu khí - Mã số: 752060403 (ngành Kỹ thuật Dầu khí - Mã số: 7520604) của Khoa Dầu khí Trường Đại học Mở - Địa chất đã họp, cụ thể như sau:

I. Thành phần Hội đồng thẩm định

TT	Họ tên, học hàm, học vị	Cơ quan công tác	Chuyên ngành	Trách nhiệm trong Hội đồng	Ghi chú
1	PGS.TS Cao Ngọc Lâm	Hội viên Hội Khoan - Khai thác Việt Nam	Khoan - Khai thác	Chủ tịch	
2	TS Lê Quang Duyệt	Phó trưởng Khoa Dầu khí, Trường Đại học Mở - Địa chất	Khoan - Khai thác	Thư ký	
3	PSG.TS Nguyễn Xuân Thảo	Chủ tịch Hội Khoan - Khai thác Việt Nam	Khoan - Khai thác	Ủy viên	
4	PGS.TS Hoàng Dung	Hội viên Hội Khoan - Khai thác Việt Nam	Khoan - Khai thác	Ủy viên	
5	GVC Trần Văn Bản	Hội viên Hội Khoan - Khai thác Việt Nam	Khoan - Khai thác	Ủy viên	
6	PGS.TS Nguyễn Thế Vinh	Trưởng Khoa Dầu khí, Trường Đại học Mở - Địa chất	Khoan - Khai thác	Ủy viên	
7	ThS Nguyễn Duy Tuấn	Phó Viện trưởng Viện Công nghệ Khoan	Khoan	Ủy viên	

II. Nội dung thẩm định

1. Bộ môn báo cáo tóm tắt nội dung quá trình xây dựng và nội dung chương trình đào tạo trình độ đại học hệ chính quy chuyên ngành Thiết bị Dầu khí - Ngành Kỹ thuật Dầu khí - Mã số: 752060403

2. Ý kiến của các thành viên Hội đồng về chương trình đào tạo:

a. *Nhận xét của Hội đồng về chương trình đào tạo:*

- Nhận xét về mục tiêu của chương trình đào tạo:

+ Các mục tiêu kỹ năng và các mục tiêu khác được trình bày rõ ràng, chi tiết, đầy đủ.

- Thời lượng của chương trình đào tạo:
 - + Thời gian đào tạo 5 năm là phù hợp với khối lượng đào tạo.
- Cấu trúc chương trình:
 - + Cấu trúc chương trình hợp lý.
- Nội dung chương trình:
 - + Nội dung đáp ứng được được mục tiêu, phù hợp với trình độ đào tạo, đảm bảo tính hiện đại, hội nhập và phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế, xã hội đất nước. Nội dung đào tạo thể hiện có sự kết hợp giữa lý thuyết, thực tế và thực hành.
 - + Phương pháp đánh giá được trình bày rõ ràng, phù hợp với quy định về đào tạo theo hệ thống tín chỉ.
 - + Tài liệu tham khảo được giới thiệu đầy đủ trong các đề cương chi tiết của các học phần. Tài liệu tham khảo phù hợp và đảm bảo chất lượng.
 - + Về tài liệu học tập: có khá nhiều học phần có tài liệu học tập chính là bài giảng, giáo án, giáo trình đã được xuất bản tại trường hoặc được xuất bản trên cơ sở tham khảo nhiều giáo trình, sách trong và ngoài nước chứng tỏ Bộ môn, Khoa và nhà trường có một sự chuẩn bị tốt cho chương trình đào tạo này.

b. Ý kiến của các thành viên Hội đồng:

- GVC Trần Văn Bản: nên tăng thêm thời lượng cho môn tiếng Anh để đảm bảo mục tiêu kỹ năng ngoại ngữ cho sinh viên khi ra trường.
- TS Nguyễn Thế Vinh: Với thời lượng đào tạo 5 năm, số môn học, số tín chỉ của chương trình đào tạo năm 2016 là hợp lý, không cần phải thay đổi về cấu trúc chương trình nhưng nên biên soạn lại đề cương chi tiết các môn học để phù hợp với sự thay đổi về công nghệ cũng như cập nhật xu thế phát triển của xã hội. CTĐT 2018 đã bỏ hướng đào tạo chuyên sâu, giúp sinh viên được học đầy đủ kiến thức về các loại thiết bị trong ngành dầu khí.
- ThS Nguyễn Duy Tuấn: Nên giảm thời gian đào tạo xuống còn 4 năm để thu hút sinh viên vì tiết kiệm thời gian và chi phí theo học.
- PGS.TS Cao Ngọc Lâm: số môn học tự chọn theo Trường và Khoa nên giảm bớt để sinh viên dễ lựa chọn, không bị phân tán.

3. Bộ môn trả lời các câu hỏi của thành viên Hội đồng thẩm định:

- Đại diện Bộ môn Thiết bị Dầu khí, Khoa Dầu khí, Trường Đại học Mỏ - Địa chất trả lời về quá trình điều tra nhu cầu xã hội, các quan điểm xây dựng chương trình, các bước, các giai đoạn nghiên cứu xây dựng chương trình đào tạo này của Bộ môn và của trường.

- Các giảng viên Bộ môn Thiết bị Dầu khí và Công trình là những người trực tiếp xây dựng chương trình đào tạo giải trình về các ý kiến của Hội đồng.

4. Hội đồng thẩm định họp riêng thảo luận, bầu ban kiểm phiếu, bỏ phiếu kín:

Ban kiểm phiếu được đề nghị gồm 2 thành viên:

TS. Nguyễn Thế Vinh,

ThS. Nguyễn Duy Tuấn

Trưởng ban

Ủy viên

Sau khi trao đổi thảo luận về các nhận xét của các phản biện, thành viên của Hội đồng và một số nội dung khác về giải trình của Bộ môn Thiết bị Dầu khí và Công trình, 7 thành viên của Hội đồng đã tóm tắt các ý kiến cá nhân và bỏ phiếu kín.

5. Kết quả thẩm định bằng phiếu:

- Số phiếu đánh giá Chương trình phát ra: 07
- Số phiếu đánh giá Chương trình thu về: 07
- Phiếu hợp lệ: 07
- Phiếu không hợp lệ: 0
- Số phiếu đánh giá Chương trình đạt yêu cầu: 07
- Số phiếu đánh giá Chương trình không đạt yêu cầu: 0

6. Kết luận của Hội đồng thẩm định:

Hội đồng thẩm định nhất trí thông qua chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật Dầu khí, chuyên ngành Thiết bị Dầu khí của Bộ môn Thiết bị Dầu khí và Công trình, Khoa Dầu khí, Trường Đại học Mở - Địa chất. Đề nghị Nhà trường áp dụng cho các lớp chuyên ngành Thiết bị Dầu khí từ năm học 2018 - 2019, thay thế CTĐT phiên bản 2016.

Biên bản này được lập thành 03 bản.

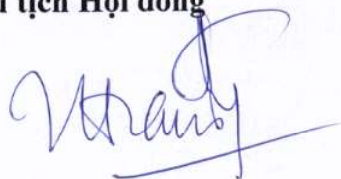
Cuộc họp kết thúc vào hồi 10h45' cùng ngày.

Thư ký Hội đồng



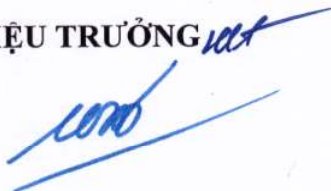
TS Lê Quang Duyệt

Chủ tịch Hội đồng



PGS.TS Cao Ngọc Lâm

HIỆU TRƯỞNG



For the year 2010, the total number of cases was 1,234. This represents a decrease of 15% from the previous year.

The following table shows the distribution of cases by age group and gender.

Age Group: 0-14, 15-24, 25-34, 35-44, 45-54, 55-64, 65-74, 75-84, 85-94, 95-104.

Gender: Male, Female.

The data indicates that the majority of cases occur in the 25-34 age group, with a higher prevalence in females.

Overall, the trend shows a steady decline in the number of cases over the past five years.

Further research is needed to identify the underlying causes of these trends and to develop effective prevention strategies.

The information presented here is for informational purposes only and should not be used for medical advice.

For more details, please refer to the full report available on our website.

PHIẾU NHẬN XÉT CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Họ và tên người nhận xét: Cao Ngọc Lâm

Chức danh: PGS Năm phong: 1996 Học vị: Tiến sĩ Năm bảo vệ: 1979

Cơ quan công tác: Hội Công nghệ Khoan, Khai thác Việt Nam

Ngành: Khoan - Khai thác

Tên chương trình đào tạo chuyên ngành Thiết bị Dầu khí - ngành Kỹ thuật Dầu khí

Mã số: 752060403

Của Bộ môn Thiết bị Dầu khí và Công trình - Khoa Dầu khí - Trường Đại học
Mỏ - Địa chất.

Ý KIẾN NHẬN XÉT

1. Về chất lượng chương trình:

- Chương trình đào tạo được chuẩn bị chu đáo, đầy đủ theo các yêu cầu chính của chuyên ngành.

- Nội dung chương trình có chất lượng tốt, kiến thức giáo dục đại cương và chuyên ngành khá đầy đủ và hợp lý (thông qua số lượng tín chỉ và tên của các môn học).

- So với CTĐT 2016, chương trình đào tạo 2018 đã bổ hướng chuyên sâu giúp cho sinh viên được học đầy đủ về các loại thiết bị trong ngành dầu khí.

2. Về hình thức chương trình:

Trình bày rõ ràng, sạch, đẹp, dễ hiểu.

Ý KIẾN ĐỀ NGHỊ

Đây là chương trình đào tạo có chất lượng tốt, đáp ứng được yêu cầu kỹ sư thuộc chuyên ngành đào tạo Thiết bị Dầu khí. Đề nghị Nhà trường áp dụng ngay cho sinh viên, thay thế CTĐT phiên bản 2016.

Hà Nội, ngày 11 tháng 4 năm 2018

Người nhận xét



PGS.TS Cao Ngọc Lâm

RESEARCH REPORT

The purpose of this report is to describe the results of the experiments conducted during the summer of 1967. The experiments were designed to study the effect of temperature on the rate of reaction between the two reactants. The results show that the rate of reaction increases with increasing temperature. The data were plotted on a semi-logarithmic graph, and the slope of the line was determined to be 1.5. This indicates that the reaction is first order with respect to the reactants. The activation energy of the reaction was calculated to be 15.2 kJ/mol. The results of the experiments are discussed in detail in the following sections.

The first section of the report describes the experimental procedure. The reactants were prepared by the method of Jones and Smith (1965). The reaction was carried out in a glass vessel at various temperatures. The rate of reaction was determined by measuring the change in concentration of the reactants over time. The data were then plotted on a semi-logarithmic graph, and the slope of the line was determined. The activation energy of the reaction was calculated from the slope of the line.

[Handwritten signature]

PHIẾU NHẬN XÉT CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Họ và tên người nhận xét: Lê Quang Duyên

Chức danh: GV Năm phong: 1996 Học vị: Tiến sĩ Năm bảo vệ: 2013

Cơ quan công tác: Đại học Mỏ - Địa chất - Hà Nội

Ngành: Kỹ Thuật Dầu Khí

Tên chương trình đào tạo chuyên ngành Thiết bị Dầu khí - ngành Kỹ thuật Dầu khí

Mã số: 752060403

Của Bộ môn Thiết bị Dầu khí và Công trình - Khoa Dầu khí - Trường Đại học Mỏ - Địa chất.

Ý KIẾN NHẬN XÉT

1. Về chất lượng chương trình:

- Kiến thức đại cương đã đáp ứng được nhu cầu đào tạo của kiến thức chuyên ngành.
- Xác định rõ mục tiêu đào tạo của ngành.
- Nội dung chương trình có chất lượng tốt, đảm bảo tính hợp lý và logic của chương trình chính quy.
- Các môn học cần thiết đã được đưa vào để giúp sinh viên nắm được kiến thức một cách đầy đủ và có tay nghề khi ra trường.
- Nội dung chương trình thể hiện sự công phu trong việc rà soát và bổ sung.

2. Về hình thức chương trình:

- Trình bày rõ ràng, sạch, đẹp, dễ hiểu.
- Nhìn chung đạt yêu cầu.

Ý KIẾN ĐỀ NGHỊ

Đồng ý đề nghị phê duyệt chương trình. Đề nghị Nhà trường áp dụng luôn cho sinh viên các khóa, thay thế CTĐT năm 2016

Hà Nội, ngày 11 tháng 4 năm 2018

Người nhận xét



TS Lê Quang Duyên

PHIẾU NHẬN XÉT CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Họ và tên người nhận xét: Nguyễn Xuân Thảo

Chức danh: PGS Năm phong: 2013 Học vị: Tiến sĩ Năm bảo vệ: 1990

Cơ quan công tác: Hội Công nghệ Khoan, Khai thác Việt Nam

Ngành: Khoan - Khai thác

Tên chương trình đào tạo chuyên ngành Thiết bị Dầu khí - ngành Kỹ thuật Dầu khí

Mã số: 752060403

Của Bộ môn Thiết bị Dầu khí và Công trình - Khoa Dầu khí - Trường Đại học
Mỏ - Địa chất.

Ý KIẾN NHẬN XÉT

1. Về chất lượng chương trình:

- Chương trình đào tạo được chuẩn bị chu đáo, đầy đủ theo các yêu cầu chính của chuyên ngành.
- Nội dung chương trình đáp ứng được mục tiêu, kiến thức và kỹ năng đào tạo chuyên ngành thiết bị Dầu khí.
- Sinh viên Sau khi tốt nghiệp có đủ khả năng đảm nhận các công việc chuyên môn đã được đào tạo.

2. Về hình thức chương trình:

Hình thức chương trình phù hợp với mục tiêu, yêu cầu và kiến thức đào tạo chuyên ngành Thiết bị Dầu khí.

Ý KIẾN ĐỀ NGHỊ

Đề nghị nhà trường ban hành chương trình đào tạo mới và áp dụng cho các lớp chuyên ngành Thiết bị Dầu khí từ năm học 2018 - 2019.

Hà Nội, ngày 11 tháng 4 năm 2018

Người nhận xét



PGS.TS Nguyễn Xuân Thảo

MEMORANDUM FOR THE RECORD
SUBJECT: [Illegible]

TO: [Illegible]

1. [Illegible]
2. [Illegible]
3. [Illegible]
4. [Illegible]
5. [Illegible]
6. [Illegible]
7. [Illegible]
8. [Illegible]
9. [Illegible]
10. [Illegible]

11. [Illegible]
12. [Illegible]
13. [Illegible]
14. [Illegible]
15. [Illegible]
16. [Illegible]
17. [Illegible]
18. [Illegible]
19. [Illegible]
20. [Illegible]
21. [Illegible]
22. [Illegible]
23. [Illegible]
24. [Illegible]
25. [Illegible]
26. [Illegible]
27. [Illegible]
28. [Illegible]
29. [Illegible]
30. [Illegible]

31. [Illegible]
32. [Illegible]
33. [Illegible]
34. [Illegible]
35. [Illegible]
36. [Illegible]
37. [Illegible]
38. [Illegible]
39. [Illegible]
40. [Illegible]

41. [Illegible]
42. [Illegible]
43. [Illegible]
44. [Illegible]
45. [Illegible]
46. [Illegible]
47. [Illegible]
48. [Illegible]
49. [Illegible]
50. [Illegible]



51. [Illegible]
52. [Illegible]
53. [Illegible]
54. [Illegible]
55. [Illegible]
56. [Illegible]
57. [Illegible]
58. [Illegible]
59. [Illegible]
60. [Illegible]

PHIẾU NHẬN XÉT CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Họ và tên người nhận xét: Hoàng Dung
Chức danh: PGS Năm phong: 1996 Học vị: Tiến sĩ Năm bảo vệ: 1988
Cơ quan công tác: Hội Công nghệ Khoan, Khai thác Việt Nam
Ngành: Khoan - Khai thác
Tên chương trình đào tạo chuyên ngành Thiết bị Dầu khí - ngành Kỹ thuật Dầu khí
Mã số: 752060403
Của Bộ môn Thiết bị Dầu khí và Công trình - Khoa Dầu khí - Trường Đại học
Mỏ - Địa chất.

Ý KIẾN NHẬN XÉT

1. Về chất lượng chương trình:

- Đối với đào tạo Đại học chính quy chuyên ngành Thiết bị Dầu khí, chương trình bộ môn Thiết bị Dầu khí và công trình xây dựng đạt yêu cầu chương trình, chất lượng tốt.
- Việc bổ hướng chuyên sâu so với CTĐT năm 2016 là phù hợp, tất yếu phải thay đổi vì để hướng chuyên sâu làm hạn chế khả năng xin việc sau khi ra trường của sinh viên.

2. Về hình thức chương trình:

- Tương đối chịu khó sắp xếp tuy nhiên cần sửa chữa.
- Tự chọn 8 tín chỉ thì nên nêu các môn gần hoặc bổ trợ chuyên ngành chứ không nên liệt kê vào cả những môn xa chuyên môn quá.

Ý KIẾN ĐỀ NGHỊ

Đề nghị nhà Trường cho đào tạo đại học chính quy chuyên ngành Thiết bị Dầu khí theo phiên bản CTĐT mới năm 2018 từ năm học 2018 - 2019.

Hà Nội, ngày 11 tháng 4 năm 2018

Người nhận xét



PGS.TS Hoàng Dung

PHIẾU NHẬN XÉT CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Họ và tên người nhận xét:.....*Trần Văn Bản*.....

Chức danh: *GVC*... Năm phong: *1993*... Học vị: *Kỹ sư*... Năm bảo vệ:.....

Cơ quan công tác:.....*Hội Công nghệ Khoan - Khai thác Việt nam*.....

Ngành:.....*Thiết bị Dầu khí*.....

Tên chương trình đào tạo chuyên ngành Thiết bị Dầu khí - ngành Kỹ thuật Dầu khí

Mã số: 752060403

Của Bộ môn Thiết bị Dầu khí và Công trình - Khoa Dầu khí - Trường Đại học
Mỏ - Địa chất.

Ý KIẾN NHẬN XÉT

1. Về chất lượng chương trình:

...Chương trình đào tạo được xây dựng trên cơ sở mục tiêu
phát triển chuyên ngành Thiết bị Dầu khí theo xu hướng chung của
...Trong chương trình đã đưa vào những môn học cần thiết giúp
người học có đủ năng lực để đảm nhiệm tốt chức danh kỹ sư
có khi thiết bị dầu khí và được sắp xếp có hệ thống và logic.

2. Về hình thức chương trình:

...Chương trình có khối lượng kiến thức bắt buộc và tự chọn
hợp lý, giúp người học tự chủ được kế hoạch học tập theo hình
thức tự chủ đồng thời cũng tạo điều kiện cho người học
phát huy được năng lực của cá nhân.

Dear Mr. [Name]
[Address]
[City]
[State]
[Zip]

Thank you for the [item] which I received [date].
I am very pleased with it and it is exactly what I needed.
I will be using it for some time and I am sure it will be of great help to me.
I am sure you will be pleased to hear that I am satisfied with the purchase.

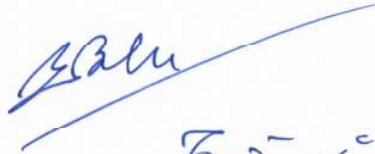
I am sure you will be pleased to hear that I am satisfied with the purchase.
I am sure you will be pleased to hear that I am satisfied with the purchase.
I am sure you will be pleased to hear that I am satisfied with the purchase.

Ý KIẾN ĐỀ NGHỊ

— Đề nghị Nhà trường cho ban hành chương trình đào tạo...
— Về thời lượng các môn học hạn chế, nhất là các môn học của
chính ngành này. Do môn chủ quản cần giúp đỡ sinh viên có đầy đủ
tài liệu học tập (cả lý thuyết và bài tập ứng dụng)

Ngày 11 tháng 5 năm 2018

Người nhận xét ký tên



Trần Văn Bản

But I am sure that the best thing that I can do
is to keep on working and to keep on trying to
do the best that I can. I am sure that I can
do it. I am sure that I can do it. I am sure
that I can do it. I am sure that I can do it.

John
Dear Mother

PHIẾU NHẬN XÉT CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Họ và tên người nhận xét: Nguyễn Thế Vinh

Chức danh: PGS Năm phong: 2018 Học vị: TS Năm bảo vệ: 2012

Cơ quan công tác: Trường Đại học Mỏ - Địa chất

Ngành: Kỹ thuật Dầu khí

Tên chương trình đào tạo: chuyên ngành Thiết bị Dầu khí, ngành Kỹ thuật Dầu khí.

Mã số: 752060403

Của bộ môn Thiết bị Dầu khí và Công trình - Khoa Dầu khí - Trường Đại học Mỏ - Địa chất.

Ý KIẾN NHẬN XÉT

1. Về chất lượng chương trình:

- Chương trình đào tạo trình độ đại học chuyên ngành Thiết bị Dầu khí, loại hình đào tạo chính quy được xây dựng công phu, các môn học được lựa chọn hợp lý, phù hợp với nhu cầu của thực tế sản xuất.

- Chất lượng chương trình đáp ứng được yêu cầu của một chương trình đào tạo đại học cho sinh viên chính quy.

- CTĐT 2016, chuyên ngành TBĐK phân ra 2 hướng chuyên sâu là Thiết bị Khoan và Thiết bị Khai thác, thu gom, vận chuyển. Trong lần rà soát, điều chỉnh CTĐT 2018, bộ môn đã bỏ hướng chuyên sâu, sinh viên được học chi tiết về tất cả các loại thiết bị dầu khí. Theo ý kiến người đọc, đây là sự điều chỉnh cần thiết, đúng đắn, phù hợp với xu thế hiện nay, đào tạo cả theo chiều sâu và chiều rộng.

- CTĐT được xây dựng có tham khảo chương trình đào tạo Kỹ sư Máy Thiết bị Dầu của Trường Đại học Gubkin, Liên bang Nga nên đảm bảo chất lượng của một chương trình kỹ sư Thiết bị Dầu khí.

2. Về hình thức chương trình:

- Chương trình được trình bày khoa học, bố cục hợp lý, dễ theo dõi.
- Không có lỗi chế bản.

Ý KIẾN ĐỀ NGHỊ

- Chương trình đạt yêu cầu về chất lượng và hình thức, phù hợp để đào tạo kỹ sư chuyên ngành Thiết bị Dầu khí, loại hình đào tạo chính quy. Đề nghị Nhà trường cho đào tạo từ khóa 61, thay thế CTĐT phiên bản năm 2016.
- Nếu có thể xây dựng lại chương trình, nên giảm thời gian đào tạo còn 4 năm.

Hà Nội, ngày 10 tháng 4 năm 2018

Người nhận xét



PGS.TS Nguyễn Thế Vinh

PHIẾU NHẬN XÉT CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Họ và tên người nhận xét: Nguyễn Duy Tuấn

Chức danh: ThS Năm phong: Học vị: Năm bảo vệ:

Cơ quan công tác: Viện Công nghệ Khoan

Ngành: Khoan

Tên chương trình đào tạo chuyên ngành Thiết bị Dầu khí - ngành Kỹ thuật Dầu khí

Mã số: 752060403

Của Bộ môn Thiết bị Dầu khí và Công trình - Khoa Dầu khí - Trường Đại học
Mỏ - Địa chất.

Ý KIẾN NHẬN XÉT

1. Về chất lượng chương trình:

- Chương trình đào tạo chuyên ngành Thiết bị Dầu khí được xây dựng khoa học, các môn học phù hợp với thực tế sản xuất. Vì vậy sau khi tốt nghiệp, sinh viên sẽ đảm đương được công việc ngoài thực tế sản xuất

- So với CTĐT năm 2016, CTĐT năm 2018 sinh viên được học đủ cả 2 hướng chuyên sâu nên có kiến thức đầy đủ về các loại thiết bị, khả năng đáp ứng yêu cầu công việc thực tế sẽ tốt hơn.

- Nếu có thể, nên giảm thời gian đào tạo xuống còn 4 năm để tiết kiệm thời gian và tiền bạc cho người học, sẽ thu hút sinh viên hơn.

2. Về hình thức chương trình:

Chương trình được trình bày đẹp, bố cục hợp lý, dễ theo dõi.

Ý KIẾN ĐỀ NGHỊ

Đây là một chương trình đào tạo có chất lượng tốt, đáp ứng được yêu cầu kỹ sư Thiết bị Dầu khí. Đề nghị Nhà trường áp dụng ngay cho sinh viên.

Hà Nội, ngày 16 tháng 4 năm 2018

Người nhận xét



ThS Nguyễn Duy Tuấn

**BÁO CÁO CHỈNH SỬA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO,
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN, CHUẨN ĐẦU RA**

Chuyên ngành: Thiết bị Dầu khí, Ngành: Kỹ thuật Dầu khí, Trình độ: Đại học

Bộ môn Thiết bị Dầu khí và Công trình đã thống nhất kế hoạch và quy trình triển khai công tác rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo, đề cương chi tiết học phần, chuẩn đầu ra trình độ đại học đảm bảo các yêu cầu của Nhà trường;

Căn cứ báo cáo tổng hợp kết quả rà soát chương trình đào tạo;

Căn cứ vào biên bản của bộ môn và hội thảo rà soát chương trình của bộ môn; hội đồng thẩm định chương trình đào tạo; biên bản hội đồng khoa học và đào tạo khoa;

Được sự phân công của lãnh đạo, từ ngày 22/3/2018 đến ngày 15/4/2018, Tổ công tác rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo của bộ môn Thiết bị Dầu khí và Công trình đã thực hiện việc nghiên cứu và chỉnh sửa chương trình đào tạo chuyên ngành Thiết bị Dầu khí, các nội dung đã chỉnh sửa cụ thể như sau:

1. Mục tiêu, nội dung của chương trình đào tạo

TT	Nội dung chỉnh sửa	Lý do chỉnh sửa	Các căn cứ đã tham khảo	Ghi chú
1	Mã ngành: 7520604	Theo mã ngành mới của Bộ GD&ĐT		
2	Thời gian đào tạo: 5 năm			
3	Khối lượng kiến thức toàn khóa: 163			
4	Giáo dục đại cương: Khối lượng kiến thức không thay đổi so với phiên bản CTĐT năm 2016			
5	Giáo dục chuyên nghiệp: - Một số môn học giảm số TC; - Một số môn bỏ khỏi CTĐT. - Bỏ hướng đào tạo chuyên sâu, sinh viên được học đầy đủ các môn chuyên ngành theo cả 2 hướng chuyên sâu Thiết bị Khoan và Thiết bị Khai thác, Thu gom, Vận chuyển. (Chi tiết xem bảng thống kê đính kèm).	Phù hợp với nhu cầu và xu thế của xã hội.	- Dựa trên nhu cầu của xã hội, của đơn vị sản xuất về yêu cầu đối với kỹ sư Thiết bị Dầu khí; - Tham khảo CTĐT ngành Máy Thiết bị Dầu khí của Trường ĐH Gubkin - Liên bang Nga.	Chi tiết xem bảng đối chiếu, so sánh phiên bản CTĐT 2016 và 2018.

2. Đề cương chi tiết các học phần

STT	Tên học phần	Nội dung chỉnh sửa	Lý do chỉnh sửa	Các căn cứ đã tham khảo	Ghi chú
1	Các học phần có thay đổi số tín chỉ, hoặc thiết kế mới, nội dung được thay đổi cho phù hợp khối lượng, chương trình, yêu cầu đào tạo mới.	Chi tiết xem đề cương chi tiết học phần các môn học	Cho phù hợp với CTĐT 5 năm phiên bản 2018	CTĐT ngành Máy Thiết bị Dầu khí của Trường ĐH Gubkin – Liên bang Nga.	

3. Chuẩn đầu ra:

Chuẩn đầu ra của CTĐT 2018 không có sự thay đổi so với CTĐT 2016. Tuy CTĐT có thay đổi, nhưng CTĐT mới vẫn đáp ứng được các mục tiêu của chương trình về kiến thức, kỹ năng, trình độ tin học, ngoại ngữ và khả năng đáp ứng được yêu cầu công việc của sinh viên sau khi tốt nghiệp.

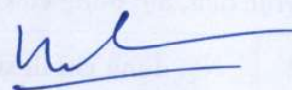
Hà Nội, ngày 16 tháng 4 năm 2018

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG BỘ MÔN



PGS.TS Nguyễn Thế Vinh



TS Lê Đức Vinh

Bảng thống kê các nội dung thay đổi, chỉnh sửa CTĐT 2018 so với CTĐT 2016

(Kèm theo Báo cáo chỉnh sửa CTĐT, đề cương chi tiết học phần, chuẩn đầu ra chuyên ngành Thiết bị Dầu khí, ngành Kỹ thuật Dầu khí, trình độ đại học)

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Ghi chú
I	Các môn bỏ khỏi chương trình			
1	4090503	Thiết bị động lực	2	Thuộc kiến thức chuyên ngành
2	4090404	Kỹ thuật đo + BTL	3	Thuộc kiến thức chuyên ngành
3	4090541	Máy thủy lực và máy nén khí	3	Thuộc kiến thức chuyên ngành
4	4090510	Công nghệ sửa chữa máy	3	Thuộc kiến thức chuyên ngành
5	4090514	Truyền động thủy khí	2	Thuộc kiến thức chuyên ngành
6	4060520	Đồ án Thiết bị khoan Dầu khí 1	1	Thuộc kiến thức chuyên ngành
7	4060522	Đồ án Thiết bị khai thác DK 1	1	Thuộc kiến thức chuyên ngành
8	4060412	Thu gom, xử lý và vận chuyển chất lưu	2	Thuộc kiến thức chuyên ngành
9	4060513	Thiết bị khai thác dầu khí 2	2	Thuộc kiến thức chuyên ngành chọn theo Khoa
10	4060512	Thiết bị khoan dầu khí 2	2	Thuộc kiến thức chuyên ngành chọn theo Khoa
11	4060525	Thiết bị xử lý sản phẩm khai thác	2	Thuộc kiến thức chuyên ngành chọn theo Khoa
12	4060526	Cơ sở thiết kế TB và dụng cụ khoan	2	Thuộc kiến thức chuyên ngành chọn theo Khoa
13	4060527	Giàn khoan và xây lắp thiết bị	2	Thuộc kiến thức chuyên ngành chọn theo Khoa
14	4060528	Công trình đường ống và bể chứa DK	2	Thuộc kiến thức chuyên ngành chọn theo Khoa
15	4060529	Thiết bị khoan thăm dò - khảo sát	2	Thuộc kiến thức chuyên ngành chọn theo Khoa
16	4060530	Kỹ thuật an toàn trên các công trình DK	2	Thuộc kiến thức chuyên ngành chọn theo Khoa
17	4060531	Thiết bị dầu khí đại cương	2	Thuộc kiến thức chuyên ngành chọn theo Khoa
18	4060532	Công trình dầu khí đại cương	2	Thuộc kiến thức chuyên ngành chọn theo Khoa
19	4060217	Quản lý phát triển mỏ dầu khí	2	Thuộc kiến thức chuyên ngành chọn theo Khoa
20	4060413	Công nghệ khoan dầu khí	2	Thuộc kiến thức chuyên ngành chọn theo Khoa
21	4060414	Công nghệ khai thác dầu khí	2	Thuộc kiến thức chuyên ngành chọn theo Khoa
22	4060403	Khoan - khai thác đại cương	2	Thuộc kiến thức chuyên ngành chọn theo Khoa
23	4050203	Định vị vệ tinh (GPS)	3	Thuộc kiến thức chuyên ngành chọn theo Trường
24	4080309	Mã nguồn mở trong chuyên ngành	2	Thuộc kiến thức chuyên ngành chọn theo Trường
25	4060530	Kỹ thuật an toàn trên các công trình DK	2	Thuộc kiến thức chuyên ngành chọn theo Trường
26	4060531	Thiết bị dầu khí đại cương	2	Thuộc kiến thức chuyên ngành chọn theo Trường
27	4060532	Công trình dầu khí đại cương	2	Thuộc kiến thức chuyên ngành chọn theo Trường
II	Các môn đổi sang môn mới, giảm số TC			
1	4090414	Kỹ thuật nhiệt A	3	4090415 - Kỹ thuật nhiệt B (2TC)
2	4090303	Kỹ thuật điện - điện tử +TN	4	4090342 - Kỹ thuật điện - điện tử (3TC)
III	Môn mới thiết kế			
1	4060528	Công trình dầu khí đại cương	2	Có đề cương chi tiết kèm theo
2	4060530	Kỹ thuật an toàn trên các công trình DK	2	Có đề cương chi tiết kèm theo

The following table shows the results of the experiments conducted on the 10th of May 1900. The results are given in the form of a table, the columns of which are headed by the names of the experiments, and the rows by the names of the experiments.

Experiment		Results	
1	Experiment 1	1.0	1.0
2	Experiment 2	1.0	1.0
3	Experiment 3	1.0	1.0
4	Experiment 4	1.0	1.0
5	Experiment 5	1.0	1.0
6	Experiment 6	1.0	1.0
7	Experiment 7	1.0	1.0
8	Experiment 8	1.0	1.0
9	Experiment 9	1.0	1.0
10	Experiment 10	1.0	1.0
11	Experiment 11	1.0	1.0
12	Experiment 12	1.0	1.0
13	Experiment 13	1.0	1.0
14	Experiment 14	1.0	1.0
15	Experiment 15	1.0	1.0
16	Experiment 16	1.0	1.0
17	Experiment 17	1.0	1.0
18	Experiment 18	1.0	1.0
19	Experiment 19	1.0	1.0
20	Experiment 20	1.0	1.0
21	Experiment 21	1.0	1.0
22	Experiment 22	1.0	1.0
23	Experiment 23	1.0	1.0
24	Experiment 24	1.0	1.0
25	Experiment 25	1.0	1.0
26	Experiment 26	1.0	1.0
27	Experiment 27	1.0	1.0
28	Experiment 28	1.0	1.0
29	Experiment 29	1.0	1.0
30	Experiment 30	1.0	1.0
31	Experiment 31	1.0	1.0
32	Experiment 32	1.0	1.0
33	Experiment 33	1.0	1.0
34	Experiment 34	1.0	1.0
35	Experiment 35	1.0	1.0
36	Experiment 36	1.0	1.0
37	Experiment 37	1.0	1.0
38	Experiment 38	1.0	1.0
39	Experiment 39	1.0	1.0
40	Experiment 40	1.0	1.0
41	Experiment 41	1.0	1.0
42	Experiment 42	1.0	1.0
43	Experiment 43	1.0	1.0
44	Experiment 44	1.0	1.0
45	Experiment 45	1.0	1.0
46	Experiment 46	1.0	1.0
47	Experiment 47	1.0	1.0
48	Experiment 48	1.0	1.0
49	Experiment 49	1.0	1.0
50	Experiment 50	1.0	1.0
51	Experiment 51	1.0	1.0
52	Experiment 52	1.0	1.0
53	Experiment 53	1.0	1.0
54	Experiment 54	1.0	1.0
55	Experiment 55	1.0	1.0
56	Experiment 56	1.0	1.0
57	Experiment 57	1.0	1.0
58	Experiment 58	1.0	1.0
59	Experiment 59	1.0	1.0
60	Experiment 60	1.0	1.0
61	Experiment 61	1.0	1.0
62	Experiment 62	1.0	1.0
63	Experiment 63	1.0	1.0
64	Experiment 64	1.0	1.0
65	Experiment 65	1.0	1.0
66	Experiment 66	1.0	1.0
67	Experiment 67	1.0	1.0
68	Experiment 68	1.0	1.0
69	Experiment 69	1.0	1.0
70	Experiment 70	1.0	1.0
71	Experiment 71	1.0	1.0
72	Experiment 72	1.0	1.0
73	Experiment 73	1.0	1.0
74	Experiment 74	1.0	1.0
75	Experiment 75	1.0	1.0
76	Experiment 76	1.0	1.0
77	Experiment 77	1.0	1.0
78	Experiment 78	1.0	1.0
79	Experiment 79	1.0	1.0
80	Experiment 80	1.0	1.0
81	Experiment 81	1.0	1.0
82	Experiment 82	1.0	1.0
83	Experiment 83	1.0	1.0
84	Experiment 84	1.0	1.0
85	Experiment 85	1.0	1.0
86	Experiment 86	1.0	1.0
87	Experiment 87	1.0	1.0
88	Experiment 88	1.0	1.0
89	Experiment 89	1.0	1.0
90	Experiment 90	1.0	1.0
91	Experiment 91	1.0	1.0
92	Experiment 92	1.0	1.0
93	Experiment 93	1.0	1.0
94	Experiment 94	1.0	1.0
95	Experiment 95	1.0	1.0
96	Experiment 96	1.0	1.0
97	Experiment 97	1.0	1.0
98	Experiment 98	1.0	1.0
99	Experiment 99	1.0	1.0
100	Experiment 100	1.0	1.0

Hà Nội, ngày 16 tháng 4 năm 2018

**BÁO CÁO TỔNG HỢP KẾT QUẢ RÀ SOÁT, ĐIỀU CHỈNH
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN, CHUẨN ĐẦU RA**
Chuyên ngành: Thiết bị Dầu khí, Ngành: Kỹ thuật Dầu khí, Trình độ: Đại học

Căn cứ báo cáo tổng hợp kết quả rà soát chương trình đào tạo;

Căn cứ vào biên bản của bộ môn và hội thảo rà soát chương trình của bộ môn; hội đồng thẩm định chương trình đào tạo; biên bản Hội đồng Khoa học và Đào tạo Khoa Dầu khí, Bộ môn Thiết bị Dầu khí và Công trình báo cáo kết quả rà soát chương trình đào tạo (CTĐT) như sau:

Phần I. Nội dung

1. Nội dung, cấu trúc, thời lượng, mức độ liên thông

- Mức độ cập nhật, hội nhập so với các trường trong nước cũng như quốc tế: Chương trình đào tạo kỹ sư Thiết bị Dầu khí được rà soát, điều chỉnh, xây dựng dựa trên CTĐT đại học chính quy chuyên ngành Thiết bị Dầu khí năm 2016 có tham khảo chương trình đào tạo ngành Máy và Thiết bị Dầu khí của Trường Đại học Gubkin, Liên bang Nga.

- Kết quả rà soát nội dung kiến thức đối với cấu trúc của chương trình đào tạo, các khối kiến thức, các học phần bắt buộc, tự chọn:

+ Nội dung kiến thức của chương trình đào tạo trình độ đại học được thiết kế với thời lượng 5 năm là phù hợp với khối lượng kiến thức 163TC. CTĐT năm 2016, phần kiến thức chuyên ngành chọn theo 2 hướng chuyên sâu chưa hợp lý do sinh viên không được học đầy đủ về các loại thiết bị trong ngành dầu khí mà chỉ được chọn 1 trong 2 hướng Thiết bị Khoan, hoặc Thiết bị khai thác, vận chuyển, thu gom. Phiên bản CTĐT 2018 đã bỏ hướng chuyên sâu, sinh viên được học đầy đủ về tất cả các loại thiết bị sử dụng trong ngành dầu khí.

+ CTĐT phiên bản 2018 đã bớt 1 số môn về cơ khí nói chung và thay vào các môn học chuyên sâu về các loại thiết bị trong ngành dầu khí.

- Đánh giá thời lượng của chương trình đào tạo: CTĐT được thiết kế 5 năm là phù hợp với kỹ sư Thiết bị Dầu khí.

- Đánh giá mức độ liên thông của chương trình đào tạo: CTĐT được xây dựng theo chương trình khung ngành Kỹ thuật Dầu khí, phần kiến thức đại cương và kiến thức cơ sở ngành/nhóm ngành đầy đủ các môn cơ bản Toán, Lý, Hóa, Cơ học, và các môn khoa học cơ sở Kỹ thuật Điện - Điện tử, Kỹ thuật Nhiệt, Kỹ thuật Dầu khí đại cương, Địa

chất, Sức bền vật liệu, Nguyên lý máy..., vì vậy sinh viên có thể học liên thông văn bằng 2, chương trình đào tạo sau đại học, các khóa đào tạo ngắn hạn của các chuyên ngành thuộc ngành Kỹ thuật Dầu khí, Cơ khí và các ngành có liên quan của các trường đại học trong và ngoài nước.

2. Đề cương chi tiết học phần

- Về mục tiêu của học phần, thời lượng, nội dung kiến thức của các học phần được thiết kế phù hợp với Chương trình đào tạo kỹ sư Thiết bị Dầu khí 5 năm. Đề cương chi tiết của từng môn học được điều chỉnh, biên soạn, thay đổi theo yêu cầu của CTĐT mới. (Chi tiết, xem đề cương chi tiết học phần các môn học).

- Tài liệu tham khảo: xem đề cương chi tiết học phần các môn học, phần tài liệu tham khảo.

3. Mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra

- Mức độ phù hợp với mục tiêu chung của Nhà trường: CTĐT kỹ sư Thiết bị Dầu khí 5 năm được biên soạn, thay đổi phù hợp với mục tiêu đào tạo của Nhà trường.

- Mức độ đáp ứng yêu cầu của nhà sử dụng lao động: đáp ứng được nhu cầu nhân lực chuyên ngành Thiết bị Dầu khí của các đơn vị tuyển dụng trong các lĩnh vực Dầu khí, Cơ khí và các chuyên ngành có liên quan.

Phần II. Tổng hợp ý kiến của các nhà khoa học chuyên môn, giảng viên, cán bộ quản lý, đại diện của các tổ chức xã hội - nghề nghiệp, nhà tuyển dụng lao động và người đã tốt nghiệp

Chương trình đào tạo kỹ sư Thiết bị Dầu khí được xây dựng phù hợp cả về mục tiêu, cấu trúc, nội dung chương trình, đáp ứng được yêu cầu của thực tế sản xuất. Sinh viên sau khi tốt nghiệp có khả năng học liên thông sang các chuyên ngành khác và các trình độ đào tạo tiếp theo.

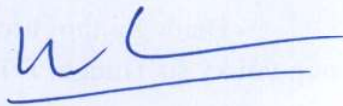
Phần III. Kiến nghị

Bộ môn kính đề nghị Nhà trường duyệt chương trình đào tạo chuyên ngành Thiết bị Dầu khí theo chương trình, đề cương chi tiết mà Bộ môn Thiết bị Dầu khí và Công trình đã xây dựng đáp ứng yêu cầu của Nhà trường và cho phép giảng dạy từ năm học 2018 - 2019, áp dụng từ Khóa 61.

TRƯỞNG KHOA

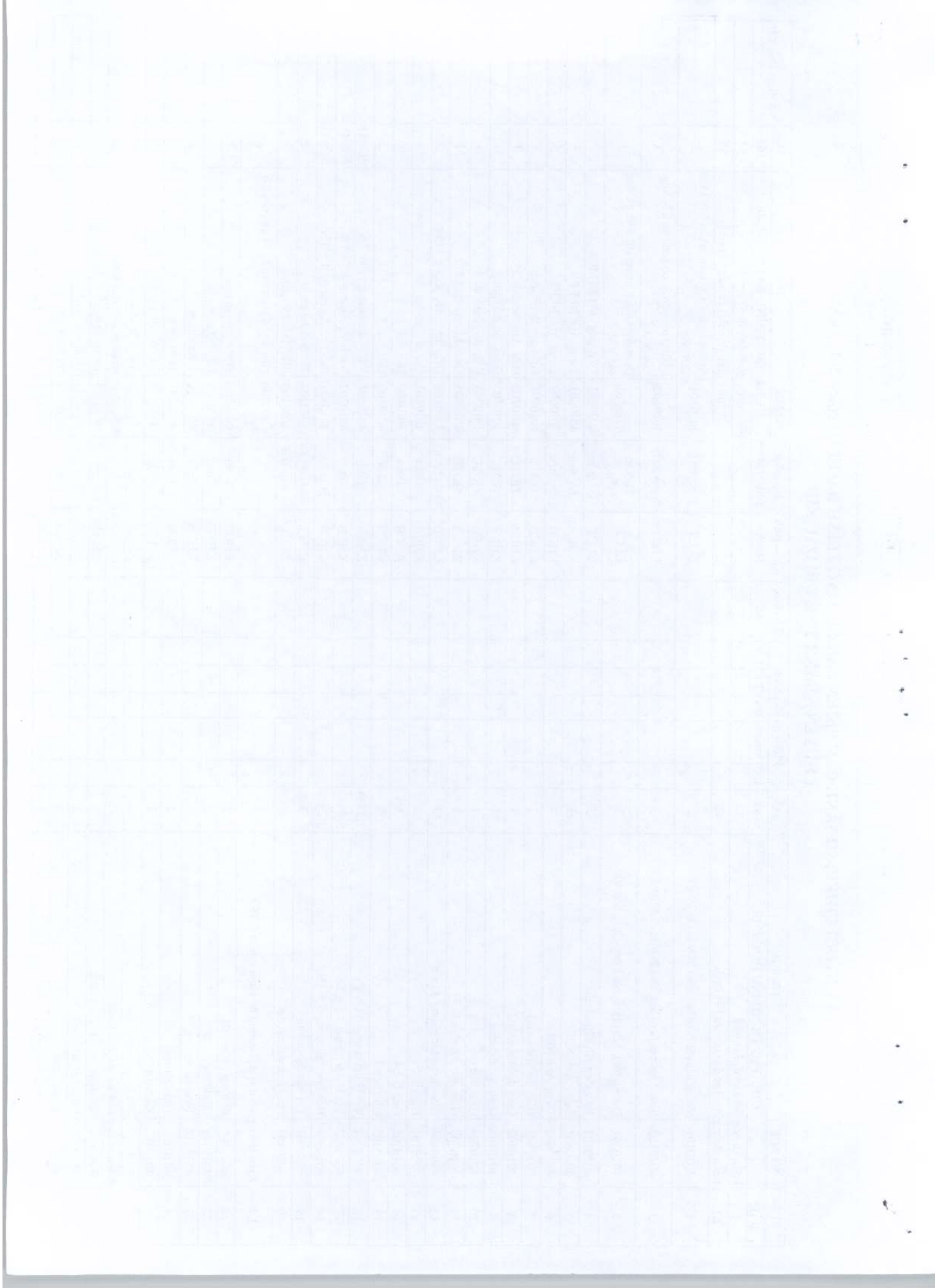

PGS.TS Nguyễn Thế Vinh

TRƯỞNG BỘ MÔN

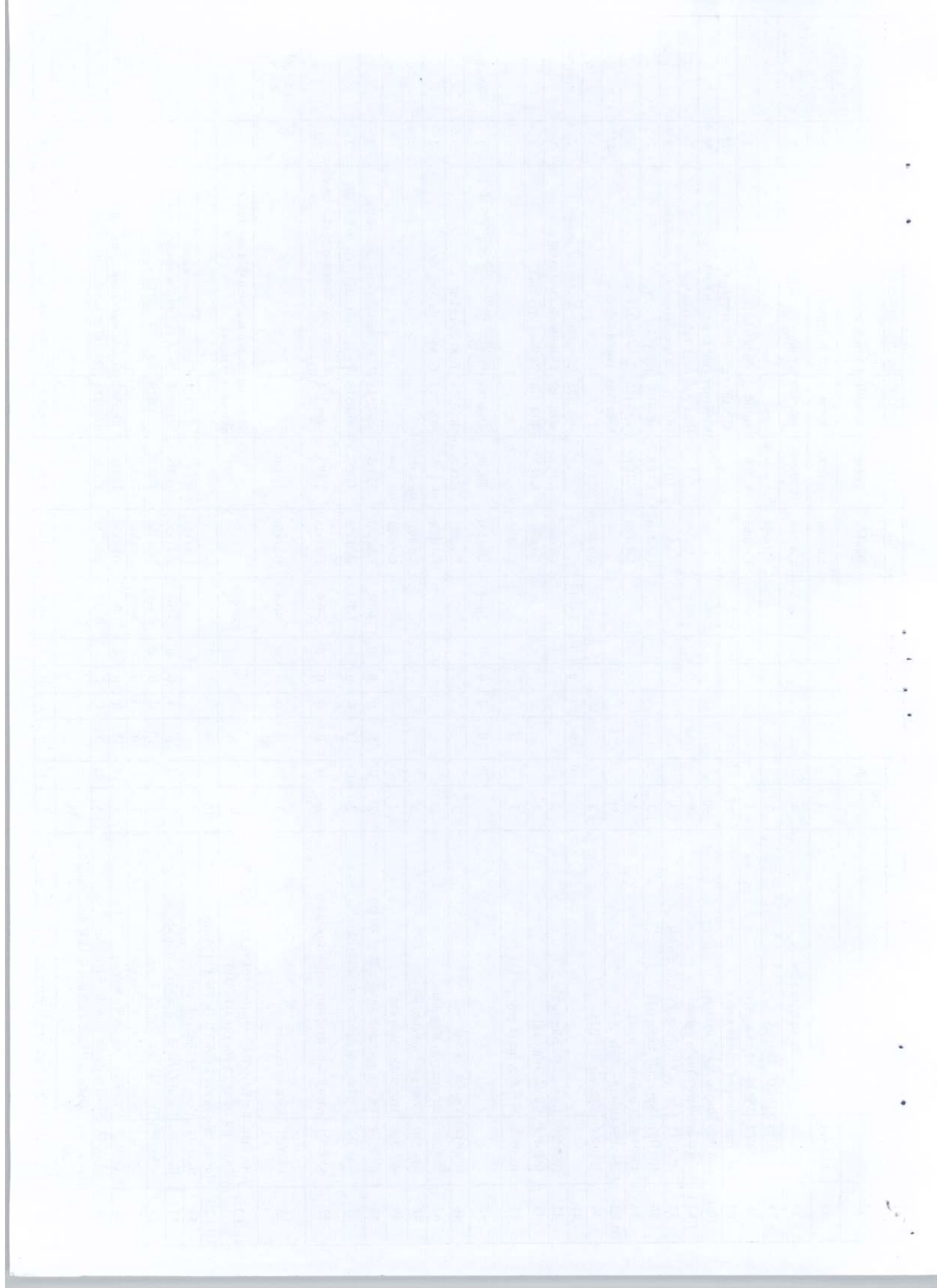

TS Lê Đức Vinh

BẢNG ĐỐI CHIẾU, SO SÁNH CÁC PHIÊN BẢN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NĂM 2016, NĂM 2018
CHUYÊN NGÀNH THIẾT BỊ DẦU KHÍ

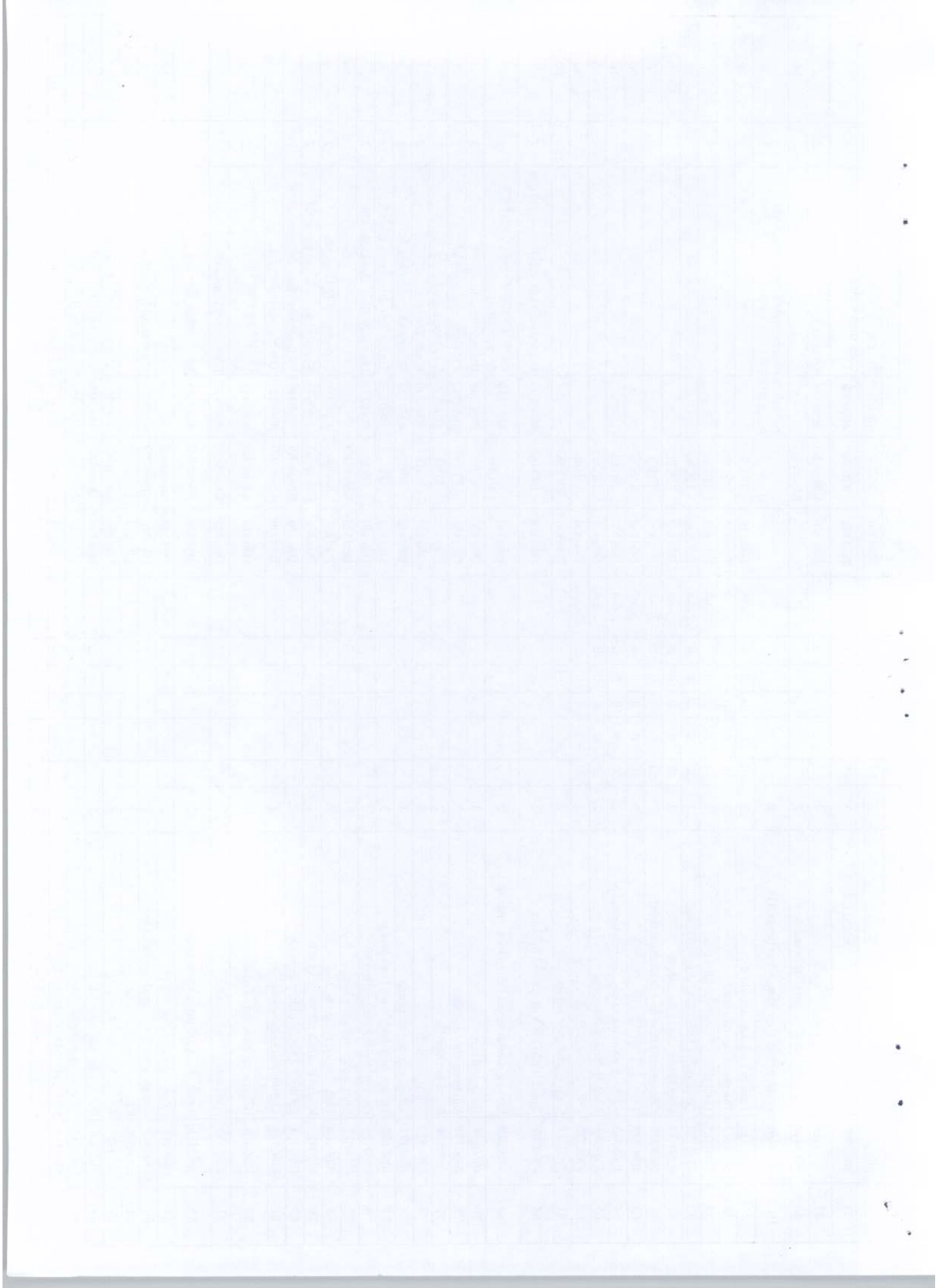
STT	Mã MH	Tên MH	TC	Phân bố số tín chỉ			Tổ chức	Khoa phụ trách	Bộ môn phụ trách	Mã MH	Tên MH	TC	Nội dung thay đổi
BẠC		CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỌC 2016	163	LT	TH+TN	ĐA	TC				CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỌC 2018	163	
I		Kiến thức giáo dục đại cương	54								Kiến thức giáo dục đại cương	54	
I.1		Kiến thức giáo dục đại cương bắt buộc	48								Kiến thức giáo dục đại cương bắt buộc	48	
1	4020101	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác - Lê Nin 1	2					LLCT	Nguyên lý	4020101	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác - Lê Nin 1	2	
2	4020102	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác - Lê Nin 2	3					LLCT	Nguyên lý	4020102	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác - Lê Nin 2	3	
3	4020301	Đường lối Cách mạng của Đảng Cộng sản VN	3					LLCT	Lịch sử đảng	4020301	Đường lối Cách mạng của Đảng Cộng sản VN	3	
4	4020201	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2					LLCT	Tư tưởng	4020201	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	
5	4010601	Tiếng Anh NEF1	3					KHCB	Ng. ngữ	4010601	Tiếng Anh NEF1	3	
6	4010602	Tiếng Anh NEF2	3					KHCB	Ng. ngữ	4010602	Tiếng Anh NEF2	3	
7	4010701	Giáo dục thể chất 1	1					KHCB	GDTC	4010701	Giáo dục thể chất 1	1	
8	4010702	Giáo dục thể chất 2	1					KHCB	GDTC	4010702	Giáo dục thể chất 2	1	
9	4010703	Giáo dục thể chất 3	1					KHCB	GDTC	4010703	Giáo dục thể chất 3	1	
10	4010704	Giáo dục thể chất 4	1					KHCB	GDTC	4010704	Giáo dục thể chất 4	1	
11	4010705	Giáo dục thể chất 5	1					KHCB	GDTC	4010705	Giáo dục thể chất 5	1	
12	4300101	Giáo dục quốc phòng 4 tuần	3					KHCB	Quốc phòng	4300101	Giáo dục quốc phòng 4 tuần	3	
13	4010101	Đại số	3					KHCB	Toán	4010101	Đại số	3	
14	4010102	Giải tích 1	4					KHCB	Toán	4010102	Giải tích 1	4	
15	4010103	Giải tích 2	3					KHCB	Toán	4010103	Giải tích 2	3	
16	4010201	Vật lý đại cương A1 + TN	3(2+1)					KHCB	Vật lý	4010201	Vật lý đại cương A1 + TN	3(2+1)	
17	4010202	Vật lý đại cương A2 + TN	3(2+1)					KHCB	Vật lý	4010202	Vật lý đại cương A2 + TN	3(2+1)	
18	4010301	Hóa học đại cương 1 + TN	3(2+1)					KHCB	Hóa học	4010301	Hóa học đại cương 1 + TN	3(2+1)	
19	4080201	Tin học đại cương	3					CNTT	Tin cơ bản	4080201	Tin học đại cương	3	
20	4020103	Pháp luật đại cương	2					LLCT	Pháp luật	4020103	Pháp luật đại cương	2	
I.2		Kiến thức giáo dục đại cương tự chọn (chọn 6 TC)	6								Kiến thức giáo dục đại cương tự chọn (chọn 6 TC)	6	
21	4010106	Phương pháp tính	2					KHCB	Toán	4010106	Phương pháp tính	2	
22	4010109	Lôgic đại cương	2					KHCB	Toán	4010109	Lôgic đại cương	2	
23	4010110	Toán tối ưu	2					KHCB	Toán	4010110	Toán tối ưu	2	
24	4010111	Toán rời rạc	2					KHCB	Toán	4010111	Toán rời rạc	2	
25	4010105	Xác suất thống kê	2					KHCB	Toán	4010105	Xác suất thống kê	2	
26	4010203	Vật lý đại cương A3	2					KHCB	Vật lý	4010203	Vật lý đại cương A3	2	
II		Kiến thức cơ sở ngành bắt buộc	25								Kiến thức cơ sở ngành bắt buộc	23	
27	4060402	Kỹ thuật dầu khí đại cương	2					Dầu khí	Khoan-KT	4060402	Kỹ thuật dầu khí đại cương	2	
28	4010401	Hình học họa hình	2					KHCB	Hình họa	4010401	Hình học họa hình	2	
29	4010402	Vẽ kỹ thuật	2					KHCB	Hình họa	4010402	Vẽ kỹ thuật	2	
30	4010501	Cơ học lý thuyết 1	3					KHCB	Cơ LT	4010501	Cơ học lý thuyết 1	3	



31	4030503	Sức bền vật liệu A+BTL1.2+TN	4								Mô	SBVL	4030501	Sức bền vật liệu I+BTL1+TN	3	chuyên từ khu vực chngành sang khu vực cơ sở ngành bắt buộc
32				30	15	0	0	0	3-0-6	Dầu khí	TBDK		4060501	Kỹ thuật ma sát	3	
33	4090414	Kỹ thuật nhiệt A	3							Cơ điện	KTC	4090415	Kỹ thuật nhiệt B	2	chọn môn học khác, số TC giảm	
34	4090303	Kỹ thuật điện - điện tử +TN	4							Cơ điện	KTĐT	4090342	Kỹ thuật điện - điện tử	3	chọn môn học khác, số TC giảm	
35	4090503	Thiết bị động lực	2							Cơ điện	Máy & TBCN				bỏ	
36	4090402	Vật liệu kỹ thuật +TN	3							Cơ điện	KTC	4090402	Vật liệu kỹ thuật +TN	3		
III	Kiến thức giáo dục chuyên ngành															
III.1	Kiến thức chuyên ngành bắt buộc															
III.1.1	Kiến thức bổ trợ chuyên ngành															
37	4030511	Cơ học kết cấu và lý thuyết đàn hồi	3							Mô	SBVL	4030511	Cơ học kết cấu & lý thuyết đàn hồi	3		
38	4090401	Nguyên lý máy + BTL	3							Cơ điện	KTC	4090401	Nguyên lý máy	3		
39	4090406	Cơ sở thiết kế máy	3							Cơ điện	KTC	4090406	Cơ sở thiết kế máy	3		
III.1.2	Kiến thức chuyên ngành															
40	4090404	Kỹ thuật đo + BTL	3							Cơ điện	KTC			47	bỏ	
41				30	0	0	0	0	2-0-4			4060528	Công trình dầu khí đại cương	2	môn mới	
42	4090409	Kỹ thuật gia công cơ khí 2	3							Cơ điện	KTC	4090409	Kỹ thuật gia công cơ khí 2	3		
43	4090418	Kỹ thuật thủy khí C	2							Cơ điện	KTC	4090418	Kỹ thuật thủy khí C	2		
44	4090541	Máy thủy lực và máy nén khí	3							Cơ điện	Máy & TBCN				bỏ	
45				30	0	0	0	0	2-0-4	Dầu khí	TBDK	4060530	Kỹ thuật an toàn trên các công trình dầu khí	2	môn mới	
46	4090558	Thực tập cơ khí	3							Cơ điện	KTC	4090558	Thực tập cơ khí	3		
47	4090214	Cơ sở truyền động điện	2							Cơ điện	Máy & TBCN	4090214	Cơ sở truyền động điện	2		
48	4090510	Công nghệ sửa chữa máy	3							Cơ điện	Máy & TBCN				bỏ	
49	4090514	Truyền động thủy khí	2							Cơ điện	Máy & TBCN				bỏ	
50	4060514	Tiếng Anh chuyên ngành thiết bị dầu khí	2	30	0	0	0	0	2-0-4	Dầu khí	TBDK	4060514	Tiếng Anh chuyên ngành TBDK	2		
51	4060515	Tin học ứng dụng trong thiết bị dầu khí	2	15	15	0	0	0	1-2-3	Dầu khí	TBDK	4060515	Tin học ứng dụng trong thiết bị DK	2		
52	4060504	Khai thác kỹ thuật máy và thiết bị dầu khí	3	45	0	0	0	0	3-0-6	Dầu khí	TBDK	4060504	Khai thác kỹ thuật máy và thiết bị dầu khí	3		
53	4060501	Kỹ thuật ma sát	3	30	15	0	0	0	3-0-6	Dầu khí	TBDK				chuyên từ khu vực chngành sang khu vực cơ sở ngành bắt buộc	
III.1.3	Kiến thức chuyên ngành chọn theo hướng chuyên sâu (Sinh viên chọn 1 trong 2 hướng chuyên sâu)															
III.1.3.1	Hướng chuyên sâu 1 (DKTB 1): Thiết bị khoan															
54	4060413	Công nghệ khoan dầu khí	2							Dầu khí	Khoan-KT	4060413	Công nghệ khoan dầu khí	2		
55	4060506	Cơ sở Thiết kế thiết bị và dụng cụ khoan	3	45	0	0	0	0	3-0-6	Dầu khí	TBDK	4060506	Cơ sở Tktế thbi và dụng cụ khoan	3		
56	4060519	Thiết bị khoan Dầu khí 1	3	35	10	0	0	0	3-0-6	Dầu khí	TBDK	4060519	Thiết bị khoan Dầu khí 1	3		
57	4060520	Đồ án Thiết bị khoan Dầu khí 1	1	0	0	15	0	0	0-0-3	Dầu khí	TBDK				bỏ	
58	4060507	Giàn khoan và xây lắp thiết bị	3	30	15	0	0	0	3-0-6	Dầu khí	TBDK	4060507	Giàn khoan và xây lắp thiết bị	3		
59	4060523	Thiết bị khoan thăm dò - Khảo sát	3	45	0	0	0	0	3-0-6	Dầu khí	TBDK	4060523	Thiết bị khoan thăm dò - Khảo sát	3		
III.1.3.2	Hướng chuyên sâu 2 (DKTB 2): Thiết bị khai thác, thu gom, vận chuyển															
60	4060521	Thiết bị Khai thác Dầu khí 1	3	45	0	0	0	0	3-0-6	Dầu khí	TBDK	4060521	Thiết bị Khai thác Dầu khí 1	3		



61	4060522	Đồ án Thiết bị khai thác Dầu khí 1	1	0	0	15	0	0	0	0-0-3	TBĐK	4060505	Thiết bị xử lý sản phẩm khai thác	3	bỏ
53	4060505	Thiết bị xử lý sản phẩm khai thác	3	45	0	0	0	0	0	3-0-6	TBĐK	4060508	Công trình đường ống và bể chứa dầu khí	3	
54	4060508	Công trình đường ống và bể chứa dầu khí	3	45	0	0	0	0	0	3-0-6	TBĐK	4060508	Công nghệ khai thác dầu khí	3	
55	4060414	Công nghệ khai thác dầu khí	2								Khoan-KT	4060414	Công nghệ khai thác dầu khí	3	
56	4060412	Thu gom, xử lý và vận chuyển chất lưu	2								Khoan-KT				bỏ
III.2 Kiến thức chuyên ngành chọn theo Khoa (chọn 8TC)															
57	4060513	Thiết bị khai thác dầu khí 2	2	30	0	0	0	0	0	2-0-4	TBĐK			8	
58	4060512	Thiết bị khoan dầu khí 2	2	30	0	0	0	0	0	2-0-4	TBĐK				bỏ
59	4060525	Thiết bị xử lý sản phẩm khai thác	2	30	0	0	0	0	0	2-0-4	TBĐK				bỏ
60	4060526	Cơ sở thiết kế thiết bị và dụng cụ khoan	2	30	0	0	0	0	0	2-0-4	TBĐK				bỏ
61	4060527	Giàn khoan và xây lắp thiết bị	2	30	0	0	0	0	0	2-0-4	TBĐK				bỏ
62	4060528	Công trình đường ống và bể chứa dầu khí	2	30	0	0	0	0	0	2-0-4	TBĐK				bỏ
63	4060529	Thiết bị khoan thăm dò - khảo sát	2	30	0	0	0	0	0	2-0-4	TBĐK				bỏ
64	4060530	Kỹ thuật an toàn trên các công trình dầu khí	2	30	0	0	0	0	0	2-0-4	TBĐK				bỏ
65	4060531	Thiết bị dầu khí đại cương	2	30	0	0	0	0	0	2-0-4	TBĐK				bỏ
66	4060532	Công trình dầu khí đại cương	2	30	0	0	0	0	0	2-0-4	TBĐK				bỏ
67	4060217	Quản lý phát triển mỏ dầu khí	2								ĐCDK				bỏ
68	4060209	Địa chất dầu khí Việt Nam và thế giới	2								ĐCDK	4060209	Địa chất dầu khí Việt Nam và thế giới	2	
69	4060219	Cơ sở lý thuyết và các PP tìm kiếm thăm dò DK	2								ĐCDK	4060219	Cơ sở lý thuyết và các PP tìm kiếm thăm dò DK	2	
70	4060338	Hóa học dầu mỏ	3								LHD	4060338	Hóa học dầu mỏ	3	
71	4060332	Khí trong công nghiệp	2								LHD	4060332	Khí trong công nghiệp	2	
72	4060339	Cơ sở lọc hóa dầu	2								LHD	4060339	Cơ sở lọc hóa dầu	2	
73	4060346	Nhiên liệu sạch	2								LHD	4060346	Nhiên liệu sạch	2	
74	4060133	Tiếng Anh chuyên ngành	3								ĐVL	4060133	Tiếng Anh chuyên ngành	3	
75	4060132	Tin học ứng dụng trong Địa vật lý	3								ĐVL	4060132	Tin học ứng dụng trong Địa vật lý	3	
76	4060123	Địa vật lý giếng khoan dầu khí	2								ĐVL	4060123	Địa vật lý giếng khoan dầu khí	2	
77	4060413	Công nghệ khoan dầu khí	2								Khoan-KT				bỏ
78	4060410	Tính chất vật lý tầng chứa	2								Khoan-KT	4060410	Tính chất vật lý tầng chứa	2	
79	4060423	Khoan khảo sát CT và giếng KT	2								Khoan-KT	4060423	Khoan khảo sát CT và giếng KT	2	
80	4060419	Kỹ thuật Khai thác khí thiên nhiên	2								Khoan-KT	4060419	Kỹ thuật Khai thác khí thiên nhiên	2	
81	4060420	Thu hồi dầu khí tăng cường	2								Khoan-KT	4060420	Thu hồi dầu khí tăng cường	2	
82	4060418	Hiện tượng phức tạp và sự cố trong Khoan	2								Khoan-KT	4060418	Hiện tượng phức tạp và sự cố trong Khoan	2	
83	4060430	Năng cao tỷ lệ mẫu khoan	2								Khoan-KT	4060430	Năng cao tỷ lệ mẫu khoan	2	
84	4060431	Sự cố - Phức tạp trong khoan thăm dò	2								Khoan-KT	4060431	Sự cố - Phức tạp trong khoan thăm dò	2	
85	4060414	Công nghệ khai thác dầu khí	2								Khoan-KT				bỏ
86	4060412	Thu gom, xử lý và vận chuyển chất lưu	2								Khoan-KT	4060412	Thu gom, xử lý & vận chuyển chất lưu	2	
87	4060403	Khoan - khai thác đại cương	2								Khoan-KT				bỏ
88	4060426	Khoan thăm dò - Khảo sát	2								Khoan-KT	4060426	Khoan thăm dò - Khảo sát	2	
89	4060450	Điều khiển giếng dầu khí	2								Khoan-KT	4060450	Điều khiển giếng dầu khí	2	
90	4060451	Hoàn thiện giếng dầu khí	2								Khoan-KT	4060451	Hoàn thiện giếng dầu khí	2	
91	4060452	Kỹ thuật khai thác mỏ dầu khí	2								Khoan-KT	4060452	Kỹ thuật khai thác mỏ dầu khí	2	
92	4030517	Cơ sở thiết kế công trình biển	2								SBVL	4030517	Cơ sở thiết kế công trình biển	2	



100

100

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT**

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số /QĐ-MĐC ngày tháng năm
của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất)

Ngành đào tạo: Kỹ thuật dầu khí
Chuyên ngành đào tạo: Thiết bị dầu khí
Trình độ đào tạo: Đại học
Loại hình đào tạo: Chính quy
Bộ môn chủ quản đào tạo: Thiết bị Dầu khí và Công trình

Mã số: 7520604
Mã số: 752060403

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cán bộ kỹ thuật chuyên ngành Thiết bị Dầu khí để phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá và hiện đại hoá đất nước.

1.2. Mục tiêu cụ thể

Kiến thức: Kỹ sư Thiết bị Dầu khí được trang bị một cách có hệ thống các kiến thức khoa học cơ bản: Toán học, Vật lý, Hoá học, Hình học, Vẽ kỹ thuật... và kiến thức chuyên sâu của các môn khoa học kỹ thuật cơ sở: Cơ học, Kỹ thuật nhiệt, Kỹ thuật điện, Điện tử, Sức bền vật liệu, Nguyên lý máy, Cơ sở thiết kế máy... và các môn kỹ thuật dầu khí chuyên ngành.

Kỹ năng: Kỹ sư Thiết bị dầu khí có thể đảm nhận được các nhiệm vụ nghiên cứu, thiết kế, chế tạo, thử nghiệm, khai thác kỹ thuật, quản lý các thiết bị dùng trong khoan - khai thác dầu khí, các thiết bị xử lý sản phẩm khai thác, các công trình vận chuyển, cất chứa dầu khí và các lĩnh vực khác có liên quan.

- Kỹ sư Thiết bị dầu khí có khả năng sử dụng, ứng dụng các thành tựu công nghệ tin học, tự động hoá và công nghệ vật liệu vào nghiên cứu, thiết kế, chế tạo các sản phẩm cơ khí nói chung và ngành Thiết bị Dầu khí nói riêng. - Biết cách vận dụng linh hoạt các kiến thức lý thuyết cơ bản vào thực tế sản xuất, nhanh chóng làm quen và thích ứng với những điều kiện làm việc mới;

- Có khả năng làm việc tốt trong tập thể, kỹ năng làm việc tốt theo nhóm, đảm nhận và hoàn thành tốt mọi vị trí trong nhóm;

- Có kỹ năng giao tiếp tốt, biết trình bày, biết lắng nghe, tạo mối quan hệ tốt với đồng nghiệp không những trong công việc mà cả trong cuộc sống tiến tới hội nhập được trong môi trường quốc tế.

Thái độ: - Hiểu biết và chấp hành tốt đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Chấp hành tốt các qui định, nội qui nơi cơ quan công tác.

- Có tinh thần kỷ luật cao, có ý thức trách nhiệm và tác phong công nghiệp trong hoạt động nghề và nghiên cứu khoa học.

- Có phẩm chất đạo đức tốt, say mê khoa học, luôn tự rèn luyện nâng cao phẩm chất chính trị và năng lực chuyên môn.

Vị trí làm việc sau tốt nghiệp: Sau khi tốt nghiệp sinh viên có thể đảm nhận công việc chuyên môn tại các cơ quan nghiên cứu, các cơ sở đào tạo chuyên ngành, các công ty trong và ngoài nước hoạt động trong lĩnh vực dầu khí, cơ khí và các lĩnh vực có liên quan.

Trình độ ngoại ngữ: Có khả năng đọc hiểu các tài liệu khoa học chuyên ngành bằng tiếng nước ngoài, đặc biệt là tiếng Anh và đáp ứng các yêu cầu tối thiểu về ngôn ngữ giao tiếp trong công việc trong môi trường làm việc quốc tế;

Trình độ tin học: Nắm được các kiến thức tin học cơ bản và có khả năng tiếp cận các phần mềm chuyên ngành để giải quyết các bài toán thuộc lĩnh vực Thiết bị Dầu khí.

2. Thời gian đào tạo:

5 năm

3. Khối lượng kiến thức toàn khóa (tính bằng số tín chỉ):

163

4. Đối tượng tuyển sinh:

Theo quy định của BGD&ĐT

5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

5.1. Quy trình đào tạo

Đào tạo theo hệ thống tín chỉ, theo "Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ" (Ban hành theo quyết định số 43/2007/QĐ-BGD&ĐT ngày 15/08/2007 của Bộ Trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; Quyết định số 388/2013/QĐ-ĐTĐH, ngày 18 tháng 04 năm 2013 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ-Địa chất; Quyết định số 276/QĐ-MĐC ngày 12/3/2015 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng chính quy theo hệ thống tín chỉ).

5.2. Điều kiện tốt nghiệp

Sinh viên có đủ điều kiện như quy định tại Điều 27 của quyết định 43/2007/QĐ-BGD&ĐT và Quyết định số 388/2013/QĐ-ĐTĐH sẽ được xét và công nhận tốt nghiệp, cụ thể:

- Đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập.
- Tích lũy đủ số học phần theo chương trình đào tạo. Điểm trung bình tích lũy của toàn khóa phải đạt từ 2,00 trở lên.
- Các học phần Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng đạt theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Đạt chuẩn đầu ra Ngoại ngữ và Tin học.

6. Thang điểm

Theo Quyết định số 388/2013/QĐ-ĐTĐH của Trường Đại học Mở-Địa chất; Quyết định số 276/QĐ-MĐC ngày 12/3/2015 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng chính quy theo hệ thống tín chỉ.

7. Nội dung chương trình:

163 TC

7.1. Kiến thức giáo dục đại cương:

54TC

- Kiến thức bắt buộc:

48TC

- Kiến thức tự chọn:

6TC

7.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp:

109TC

- Kiến thức cơ sở ngành bắt buộc:

23TC

- Kiến thức chuyên ngành:

72TC

- Thực tập tốt nghiệp:

7TC

- Đồ án tốt nghiệp:

7TC

8. Nội dung kiến thức đào tạo

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Bộ môn quản lý
I	Kiến thức giáo dục đại cương		54	
I.1	Kiến thức giáo dục đại cương bắt buộc		48	
1	4020101	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác - Lê Nin 1	2	Ng.lý cơ bản của CN Mác - LN
2	4020102	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác - Lê Nin 2	3	Ng.lý cơ bản của CN Mác - LN
3	4020301	Đường lối Cách mạng của Đảng Cộng sản VN	3	Đường lối CM của ĐCSVN
4	4020201	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	Tư tưởng HCM
5	4010601	Tiếng Anh NEF1	3	Ngoại ngữ
6	4010602	Tiếng Anh NEF2	3	Ngoại ngữ
7	4010701	Giáo dục thể chất 1	1	Giáo dục thể chất
8	4010702	Giáo dục thể chất 2	1	Giáo dục thể chất
9	4010703	Giáo dục thể chất 3	1	Giáo dục thể chất
10	4010704	Giáo dục thể chất 4	1	Giáo dục thể chất
11	4010705	Giáo dục thể chất 5	1	Giáo dục thể chất
12	4300101	Giáo dục quốc phòng 4 tuần	3	Giáo dục quốc phòng
13	4010101	Đại số	3	Toán
14	4010102	Giải tích 1	4	Toán
15	4010103	Giải tích 2	3	Toán
16	4010201	Vật lý đại cương A1 + TN	3(2+1)	Vật lý
17	4010202	Vật lý đại cương A2 + TN	3(2+1)	Vật lý
18	4010301	Hóa học đại cương 1 + TN	3(2+1)	Hóa
19	4080201	Tin học đại cương	3	Tin học đại cương
20	4020103	Pháp luật đại cương	2	Pháp luật
I.2	Kiến thức giáo dục đại cương tự chọn (chọn 6 TC)		6	
21	4010106	Phương pháp tính	2	Toán
22	4010109	Lôgic đại cương	2	Toán
23	4010110	Toán tối ưu	2	Toán
24	4010111	Toán rời rạc	2	Toán
25	4010105	Xác suất thống kê	2	Toán
26	4010203	Vật lý đại cương A3	2	Lý
II	Kiến thức cơ sở ngành bắt buộc		23	
27	4060402	Kỹ thuật dầu khí đại cương	2	Khoan - Khai thác
28	4010401	Hình học họa hình	2	Hình họa

29	4010402	Vẽ kỹ thuật	2	Hình họa
30	4010501	Cơ học lý thuyết 1	3	Cơ lý thuyết
31	4030501	Sức bền vật liệu 1+BTL1+TN	3	Sức bền vật liệu
32	4060501	Kỹ thuật ma sát	3	Thiết bị Dầu khí & Công trình
33	4090415	Kỹ thuật nhiệt B	2	Kỹ thuật cơ khí
34	4090342	Kỹ thuật điện - điện tử	3	Kỹ thuật điện- Điện tử
35	4090402	Vật liệu kỹ thuật +TN	3	Kỹ thuật cơ khí
III Kiến thức giáo dục chuyên ngành			72	
III.1 Kiến thức chuyên ngành bắt buộc			56	
III.1.1 Kiến thức bổ trợ chuyên ngành			9	
36	4030511	Cơ học kết cấu và lý thuyết đàn hồi	3	Sức bền vật liệu
37	4090401	Nguyên lý máy	3	Kỹ thuật cơ khí
38	4090406	Cơ sở thiết kế máy	3	Kỹ thuật cơ khí
III.1.2 Kiến thức chuyên ngành			47	
39	4060528	Công trình dầu khí đại cương	2	Thiết bị Dầu khí & Công trình
40	4090409	Kỹ thuật gia công cơ khí 2	3	Kỹ thuật cơ khí
41	4090418	Kỹ thuật thủy khí C	2	Kỹ thuật cơ khí
42	4060530	Kỹ thuật an toàn trên các công trình dầu khí	2	Thiết bị Dầu khí & Công trình
43	4090558	Thực tập cơ khí	3	Máy và thiết bị mỏ
44	4090214	Cơ sở truyền động điện	2	Tự động hóa
45	4060514	Tiếng Anh chuyên ngành thiết bị dầu khí	2	Thiết bị Dầu khí & Công trình
46	4060515	Tin học ứng dụng trong thiết bị dầu khí	2	Thiết bị Dầu khí & Công trình
47	4060504	Khai thác kỹ thuật máy và thiết bị dầu khí	3	Thiết bị Dầu khí & Công trình
48	4060413	Công nghệ khoan dầu khí	2	Khoan - Khai thác
49	4060506	Cơ sở Thiết kế thiết bị và dụng cụ khoan	3	Thiết bị Dầu khí & Công trình
50	4060519	Thiết bị khoan Dầu khí 1	3	Thiết bị Dầu khí & Công trình
51	4060507	Giàn khoan và xây lắp thiết bị	3	Thiết bị Dầu khí & Công trình
52	4060523	Thiết bị khoan thăm dò - Khảo sát	3	Thiết bị Dầu khí & Công trình
53	4060521	Thiết bị Khai thác Dầu khí 1	3	Thiết bị Dầu khí & Công trình
54	4060505	Thiết bị xử lý sản phẩm khai thác	3	Thiết bị Dầu khí & Công trình
55	4060508	Công trình đường ống và bể chứa dầu khí	3	Thiết bị Dầu khí & Công trình
56	4060414	Công nghệ khai thác dầu khí	3	Khoan - Khai thác
III.2 Kiến thức chuyên ngành chọn theo Khoa (chọn 8TC)			8	
57	4060209	Địa chất dầu khí Việt Nam và thế giới	2	Địa chất dầu khí
58	4060219	Cơ sở lý thuyết và các PP tìm kiếm thăm dò DK	2	Địa chất dầu khí
59	4060338	Hóa học dầu mỏ	3	Lọc - Hóa dầu
60	4060332	Khí trong công nghiệp	2	Lọc - Hóa dầu
61	4060339	Cơ sở lọc hóa dầu	2	Lọc - Hóa dầu
62	4060346	Nhiên liệu sạch	2	Lọc - Hóa dầu
63	4060133	Tiếng Anh chuyên ngành	3	Địa vật lý
64	4060132	Tin học ứng dụng trong Địa vật lý	3	Địa vật lý
65	4060123	Địa vật lý giếng khoan dầu khí	2	Địa vật lý
66	4060413	Công nghệ khoan dầu khí	2	Khoan - Khai thác
67	4060410	Tính chất vật lý tầng chứa	2	Khoan - Khai thác
68	4060423	Khoan khảo sát CT và giếng KT	2	Khoan - Khai thác
69	4060419	Kỹ thuật Khai thác khí thiên nhiên	2	Khoan - Khai thác
70	4060420	Thu hồi dầu khí tăng cường	2	Khoan - Khai thác
71	4060418	Hiện tượng phức tạp và sự cố trong Khoan	2	Khoan - Khai thác
72	4060430	Nâng cao tỷ lệ mẫu khoan	2	Khoan - Khai thác
73	4060431	Sự cố - Phức tạp trong khoan thăm dò	2	Khoan - Khai thác
74	4060414	Công nghệ khai thác dầu khí	2	Khoan - Khai thác
75	4060412	Thu gom, xử lý và vận chuyển chất lưu	2	Khoan - Khai thác
76	4060426	Khoan thăm dò - Khảo sát	2	Khoan - Khai thác
77	4060450	Điều khiển giếng dầu khí	2	Khoan - Khai thác

78	4060451	Hoàn thiện giếng dầu khí	2	Khoan - Khai thác
79	4060452	Kỹ thuật khai thác mỏ dầu khí	2	Khoan - Khai thác
80	4030517	Cơ sở thiết kế công trình biển	2	Sức bền vật liệu
III.3	Kiến thức chuyên ngành chọn theo trường (SV chọn 8 TC)		8	
81	4000001	Kỹ năng soạn thảo văn bản quản lý hành chính *	2	
82	4000002	Tâm lý học đại cương *	2	
83	4000003	Tiếng Việt thực hành *	2	
84	4000004	Cơ sở văn hóa Việt Nam *	2	
85	4010403	Autocad	2	Hình họa
86	4010604	Tiếng Anh 4	2	Ngoại ngữ
87	4010605	Tiếng Nga 1	2	Ngoại ngữ
88	4010607	Tiếng Trung 1	2	Ngoại ngữ
89	4030113	Cơ sở khai thác lộ thiên	2	Khai thác lộ thiên
90	4030222	Cơ sở khai thác hầm lò	2	Khai thác hầm lò
91	4030427	Cơ sở tuyển khoáng	2	Tuyển khoáng
92	4040101	Địa chất đại cương	2	Địa chất
93	4040616	Cơ sở địa chất thủy văn – ĐCCT	3	Địa chất thủy văn
94	4050301	Cơ sở hệ thông tin địa lý (GIS)	3	Đo ảnh và viễn thám
95	4050302	Cơ sở viễn thám	2	Trắc địa cao cấp
96	4050401	Trắc địa đại cương	2	Trắc địa phổ thông và sai số
97	4060101	Địa vật lý đại cương	3	Địa vật lý
98	4060340	Công nghệ lọc hóa dầu	2	Lọc - Hóa dầu
99	4070304	Kinh tế và QTDN	2	Kinh tế và QTDN DK-ĐC
100	4070331	Quản trị dự án đầu tư	2	Kinh tế và QTDN DK-ĐC
101	4070401	Nguyên lý kế toán	2	Kế toán
102	4080153	Thiết kế Website	2	Công nghệ phần mềm
103	4100167	Cơ sở xây dựng công trình ngầm và mỏ	2	Xây dựng công trình ngầm và mỏ
104	4110114	Môi trường và phát triển bền vững	2	Môi trường cơ sở
105	4110236	Môi trường và con người	2	Địa sinh thái
IV	Thực tập nghề nghiệp		7	
106	4060516	Thực tập sản xuất	3	Thiết bị Dầu khí & Công trình
107	4060517	Thực tập tốt nghiệp	4	Thiết bị Dầu khí & Công trình
V	Đồ án tốt nghiệp		7	
108	4060518	Đồ án tốt nghiệp	7	Thiết bị Dầu khí & Công trình
		Tổng cộng	163	

KHOA DẦU KHÍ

BỘ MÔN


PGS.TS Nguyễn Thế Vinh


Lê Đức Vinh

KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO NGÀNH KỸ THUẬT DẦU KHÍ - MÃ SỐ: 7520604
Chuyên ngành Thiết bị dầu khí

TT	Mã MH	Tên môn học	TC
Học kỳ thứ 1			16
1	4020101	Nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin 1	2
2	4010601	Tiếng Anh NEF1	3
3	4080201	Tin học đại cương +TH (dùng cho Kỹ thuật)	3
4	4010101	Đại số	3
5	4010102	Giải tích 1	4
6	4010701	Giáo dục thể chất 1	1
Học kỳ thứ 2			18
1	4020102	Nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin 2	3
2	4010602	Tiếng Anh NEF2	3
3	4010103	Giải tích 2	3
4	4010201	Vật lý đại cương A1 + TN	3
5	4010301	Hóa học đại cương phần 1 + TN	3
6	4020103	Pháp luật đại cương	2
7	4010702	Giáo dục thể chất 2	1
Học kỳ thứ 3			16
1	4020201	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2
2	4010202	Vật lý đại cương A2 + TN	3
3	4010401	Hình học họa hình	2
4	4010501	Cơ học lý thuyết 1	3
5	4090342	Kỹ thuật điện - điện tử	3
6	4010703	Giáo dục thể chất 3	1
7		Môn tự chọn A (ngành DKTB)	2
Học kỳ thứ 4			17
1	4020301	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng Sản Việt Nam	3
2	4030511	Cơ học kết cấu và lý thuyết đàn hồi	3
3	4010402	Vẽ kỹ thuật	2
4	4090415	Kỹ thuật nhiệt B	2
5	4030503	Sức bền vật liệu A + BTL1,2 +TN	4
6	4010704	Giáo dục thể chất 4	1
7		Môn tự chọn A (ngành DKTB)	2
Học kỳ thứ 5			14
2	4090418	Kỹ thuật thủy khí C	2
3	4090402	Vật liệu kỹ thuật + TN	3
4	4090401	Nguyên lý máy	3
5	4090409	Kỹ thuật gia công cơ khí 2	3
6	4010705	Giáo dục thể chất 5	1

7		Môn tự chọn A (ngành DKTB)	2
Học kỳ thứ 6			16
1	4060402	Kỹ thuật dầu khí đại cương	2
1	4060501	Kỹ thuật ma sát	3
2	4060413	Công nghệ khoan dầu khí	2
3	4060414	Công nghệ khai thác dầu khí	2
4	4090406	Cơ sở thiết kế máy	3
6		Môn tự chọn B (khoa 06)	2
7		Môn tự chọn C (toàn trường)	2
Học kỳ thứ 7			15
1	4090214	Cơ sở truyền động điện	2
2	4060519	Thiết bị khoan Dầu khí 1	3
3	4060521	Thiết bị khai thác dầu khí 1	3
	4090558	Thực tập cơ khí	3
5		Môn tự chọn B (khoa 06)	2
6		Môn tự chọn C (toàn trường)	2
Học kỳ thứ 8			15
1	4060514	Tiếng Anh chuyên ngành thiết bị dầu khí	2
	4060506	Cơ sở Thiết kế thiết bị và dụng cụ khoan	3
4	4060505	Thiết bị xử lý sản phẩm khai thác	3
5	4060508	Công trình đường ống và bể chứa	3
7		Môn tự chọn B (khoa 06)	2
8		Môn tự chọn C (toàn trường)	2
Học kỳ thứ 9			15
1	4060504	Khai thác kỹ thuật máy và thiết bị dầu khí	3
	4060515	Tin học ứng dụng trong thiết bị dầu khí	2
2	4060507	Giàn khoan và xây lắp thiết bị	3
3	4060523	Thiết bị khoan thăm dò khảo sát	3
4		Môn tự chọn B (khoa 06)	2
5		Môn tự chọn C (toàn trường)	2
Học kỳ thứ 10			14
1	4060516	Thực tập sản xuất	3
2	4060517	Thực tập tốt nghiệp	4
3	4060518	Đồ án tốt nghiệp	7
Môn tự chọn A (ngành DKTB) (_ADKTB) - Tín chỉ chọn: 6			
1	4010106	Phương pháp tính	2
2	4010109	Logic đại cương	2
3	4010110	Toán tối ưu	2
4	4010111	Toán rời rạc	2
5	4010105	Xác suất thống kê	2
6	4010203	Vật lý đại cương A3	2
Môn tự chọn B (Khoa 06) (_BKH06) - Tín chỉ chọn: 8			

1	4060209	Địa chất dầu khí Việt Nam và thế giới	2
2	4060219	Cơ sở lý thuyết và các PP tìm kiếm thăm dò DK	2
3	4060338	Hóa học dầu mỏ	3
4	4060332	Khí trong công nghiệp	2
5	4060339	Cơ sở lọc hóa dầu	2
6	4060346	Nhiên liệu sạch	2
7	4060133	Tiếng Anh chuyên ngành	3
8	4060132	Tin học ứng dụng trong Địa vật lý	3
9	4060123	Địa vật lý giếng khoan dầu khí	2
10	4060410	Tính chất vật lý tầng chứa	2
11	4060423	Khoan khảo sát CT và giếng KT	2
12	4060419	Kỹ thuật Khai thác khí thiên nhiên	2
13	4060420	Thu hồi dầu khí tăng cường	2
14	4060418	Hiện tượng phức tạp và sự cố trong Khoan	2
15	4060430	Nâng cao tỷ lệ mẫu khoan	2
16	4060431	Sự cố - Phức tạp trong khoan thăm dò	2
17	4060414	Công nghệ khai thác dầu khí	2
18	4060412	Thu gom, xử lý và vận chuyển chất lưu	2
19	4060403	Khoan - khai thác đại cương	2
20	4060426	Khoan thăm dò – Khảo sát	2
21	4060450	Điều khiển giếng dầu khí	2
22	4060451	Hoàn thiện giếng dầu khí	2
23	4060452	Kỹ thuật khai thác mỏ dầu khí	2
24	4030517	Cơ sở thiết kế công trình biển	2

Môn tự chọn C (toàn Trường) (CHUNG) - Tín chỉ chọn: 8

1	4000001	Kỹ năng soạn thảo văn bản quản lý hành chính *	2
2	4000002	Tâm lý học đại cương *	2
3	4000003	Tiếng Việt thực hành *	2
4	4000004	Cơ sở văn hóa Việt Nam *	2
5	4010403	Autocad	2
6	4010604	Tiếng Anh 4	2
7	4010605	Tiếng Nga 1	2
8	4010607	Tiếng Trung 1	2
9	4030113	Cơ sở khai thác lộ thiên	2
10	4030222	Cơ sở khai thác hầm lò	2
11	4030427	Cơ sở tuyển khoáng	2
12	4040101	Địa chất đại cương	2
13	4040616	Cơ sở địa chất thủy văn – ĐCCT	3
14	4050301	Cơ sở hệ thống tin địa lý (GIS)	3
15	4050302	Cơ sở viễn thám	2
16	4050401	Trắc địa đại cương	2
17	4060101	Địa vật lý đại cương	3

18	4060340	Công nghệ lọc hóa dầu	2
20	4070304	Kinh tế và QTDN	2
21	4070331	Quản trị dự án đầu tư	2
22	4070401	Nguyên lý kế toán	2
23	4080153	Thiết kế Website	2
24	4100167	Cơ sở xây dựng công trình ngầm và mỏ	2
25	4110114	Môi trường và phát triển bền vững	2

KHOA DẦU KHÍ

BỘ MÔN



PGS.TS Nguyễn Thế Vinh



Lê Đức Vinh

SĐ257/QĐ-MĐC

Hà Nội, ngày 22 tháng 3 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thành lập Tổ công tác rà soát, điều chỉnh Chương trình đào tạo, đề cương chi tiết học phần, chuẩn đầu ra cho chuyên ngành Địa chất dầu khí - Mã số: 752060404 (ngành Kỹ thuật dầu khí - Mã số: 7520604)

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Căn cứ Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Điều lệ trường đại học;

Căn cứ Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Căn cứ Quyết định số 388/2013/QĐ-ĐTĐH ngày 18/4/2013 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ và Quyết định số 276/QĐ-MĐC ngày 12/3/2015 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng chính quy theo hệ thống tín chỉ;

Căn cứ Thông tư số 24/2017/TT-BGDĐT ngày 10/10/2017 của Bộ Trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ đại học;

Căn cứ Quyết định số 1463/QĐ-MĐC ngày 02/11/2017 của Hiệu trưởng trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc ban hành Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ đại học của Trường Đại học Mỏ - Địa chất;

Căn cứ vào Quyết định số 67/QĐ-MĐC ngày 17/01/2018 về việc thành lập Ban chỉ đạo rà soát và cập nhật chương trình đào tạo; Căn cứ vào Quyết định số 88/QĐ-MĐC ngày 22/01/2018 về việc thành lập các Tổ công tác rà soát và cập nhật chương trình đào tạo;

Căn cứ công văn số 05/MĐC-DK ngày 20/3/2018 của Hội đồng khoa học khoa Dầu khí về việc thành lập Tổ rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo, đề cương chi tiết học phần, chuẩn đầu ra;

Xét đề nghị của Ông Trưởng phòng Đào tạo Đại học, Trường khoa Dầu khí,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập tổ công tác rà soát, điều chỉnh Chương trình đào tạo, đề cương chi tiết học phần, chuẩn đầu ra (danh sách kèm theo).

Điều 2. Tổ công tác rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo có nhiệm vụ tổ chức triển khai việc rà soát, điều chỉnh, bổ sung chương trình đào tạo, đề cương chi tiết học phần, chuẩn đầu ra và được hưởng các chế độ theo quy định hiện hành. Tổ công tác tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các ông (bà) Trưởng phòng Đào tạo Đại học, Trưởng phòng Tài vụ, Trưởng các đơn vị có liên quan và các ông (bà) có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này ./.

Nơi nhận: *[Chữ ký]*

- Như điều 3 (để t/h);
- Các PHT (để p/hợp chỉ đạo);
- Lưu: HC-TH, ĐTDH (09)



PGS.TS Lê Hải An

DANH SÁCH
TỔ CÔNG TÁC RÀ SOÁT, ĐIỀU CHỈNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO,
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN, CHUẨN ĐẦU RA
(Kèm theo Quyết định số 1257/QĐ-MĐC ngày 22 tháng 3 năm 2018
của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất)

- | | | |
|----|--------------------------|--|
| 1. | TS. Phạm Văn Tuấn | Trưởng bộ môn Địa chất dầu khí, Tổ trưởng. |
| 2. | KS. Bùi Thị Ngân | Bộ môn Địa chất dầu khí, Thư ký |
| 3. | TS. Lê Ngọc Ánh | Bộ môn Địa chất dầu khí, Thành viên |
| 4. | TS. Nguyễn Thị Minh Hồng | Bộ môn Địa chất dầu khí, Thành viên |
| 5. | KS. Nguyễn Thị Thu Hằng | Bộ môn Địa chất dầu khí, Thành viên |

Tổng số: 05 cán bộ./.



V/v: thành lập Tổ công tác rà soát, điều chỉnh
chương trình đào tạo, đề cương chi tiết học phần,
chuẩn đầu ra

Kính gửi: - Ban Giám hiệu;
- Phòng Đào tạo Đại học.

Căn cứ Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Căn cứ Quyết định số 01/2017/QĐ-TTg ngày 17/01/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Danh mục giáo dục, đào tạo của hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Thông tư số 24/2017/TT-BGDĐT ngày 10/10/2017 của Bộ Trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ đại học;

Căn cứ Quyết định số 1463/QĐ-MĐC ngày 02/11/2017 của Hiệu trưởng trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc ban hành Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ đại học của Trường Đại học Mỏ - Địa chất;

Căn cứ vào Quyết định số 67/QĐ-MĐC ngày 17/01/2018 về việc thành lập Ban chỉ đạo rà soát và cập nhật chương trình đào tạo;

Căn cứ vào Quyết định số 88/QĐ-MĐC ngày 22/01/2018 về việc thành lập các Tổ công tác rà soát và cập nhật chương trình đào tạo;

Căn cứ vào thông báo số 141 /MĐC-ĐTĐH ngày 12/3/2018 của Hiệu trưởng trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc rà soát, điều chỉnh Chương trình đào tạo, đề cương chi tiết học phần, chuẩn đầu ra;

Căn cứ vào cuộc họp của bộ môn địa chất dầu khí về việc thành lập tổ công tác rà soát cho chuyên ngành Địa chất dầu khí - Mã số: 752060404 (ngành Kỹ thuật dầu khí - Mã số: 7520604).

Bộ môn Địa chất dầu khí đề nghị Ban Giám hiệu và phòng Đào tạo Đại học thành lập tổ công tác rà soát, điều chỉnh Chương trình đào tạo, đề cương chi tiết học phần, chuẩn đầu ra:

- | | |
|-----------------------------|--|
| 1. TS. Phạm Văn Tuấn | Trưởng bộ môn Địa chất dầu khí, Tổ trưởng. |
| 2. KS. Bùi Thị Ngân | Bộ môn Địa chất dầu khí, Thư ký. |
| 3. TS. Lê Ngọc Ánh | Bộ môn Địa chất dầu khí, Thành viên. |
| 4. TS. Nguyễn Thị Minh Hồng | Bộ môn Địa chất dầu khí, Thành viên. |
| 5. KS. Nguyễn Thị Thu Hằng | Bộ môn Địa chất dầu khí, Thành viên. |

Trân trọng ./.

Hội đồng khoa Khoa Dầu khí

Bộ môn Địa chất dầu khí


PGS.TS Nguyễn Thế Vinh


TS. Phạm Văn Tuấn

THE SECRETARY OF THE INTERIOR
WASHINGTON, D. C.

TO THE SECRETARY OF THE INTERIOR
FROM THE SECRETARY OF THE INTERIOR

RE: [Illegible]

[Illegible text block]

[Illegible text block]

[Illegible text block]

[Illegible text block]

[Illegible text block]

[Illegible text block]

[Illegible text block]

BIÊN BẢN HỌP BỘ MÔN

Về việc rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo, đề cương chi tiết, chuẩn đầu ra ở trình độ Đại học cho chuyên ngành Địa chất dầu khí - Mã số: 752060404 (ngành Kỹ thuật dầu khí - Mã số: 7520604)

Ngày, vào lúc 8h30, Bộ môn Địa chất dầu khí đã họp về việc rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo, đề cương chi tiết học phần, chuẩn đầu ra ở trình độ Đại học chuyên ngành: Địa chất dầu khí - Mã số 752060404 (ngành: Kỹ thuật dầu khí - Mã số 7520604). Thành phần tham dự:

- Các cán bộ tham gia giảng dạy Đại học chuyên ngành Địa chất dầu khí (ngành Kỹ thuật dầu khí)

- Chủ trì cuộc họp: TS. Phạm Văn Tuấn - Trưởng bộ môn (Tổ trưởng công tác rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo, đề cương chi tiết, chuẩn đầu ra ở trình độ Đại học cho chuyên ngành Địa chất dầu khí)

- Thư ký: KS. Bùi Thị Ngân (Thư ký Tổ trưởng công tác rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo, đề cương chi tiết, chuẩn đầu ra ở trình độ Đại học cho chuyên ngành Địa chất dầu khí)

NỘI DUNG:

1. TS. Phạm Văn Tuấn - chủ trì cuộc họp nêu lý do tổ chức cuộc họp.
2. TS. Phạm Văn Tuấn thay mặt Bộ môn Địa chất dầu khí trình bày tóm tắt sự cần thiết về việc rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo, đề cương chi tiết học phần, chuẩn đầu ra ở trình độ Đại học.
3. Các thành viên tham dự cuộc họp phát biểu ý kiến:
 - 3.1. TS. Lê Ngọc Ánh: Việc rà soát chương trình đào tạo của Bộ môn là rất cần thiết và phù hợp với thực tế.
 - 3.2. TS. Nguyễn Thị Minh Hồng: Hiện tại chương trình đào tạo phù hợp với thực tế không cần thay đổi. Số môn tự chọn khá phong phú tạo điều kiện cho sinh viên được lựa chọn.
 - 3.3. KS. Bùi Thị Ngân: Hai năm một lần chúng ta nên rà soát lại chương trình đào tạo theo quy định và có các điều chỉnh cần thiết để chương trình đào tạo phù hợp hơn với thực tiễn.
- * Các thành viên khác: Đồng ý với các nội dung điều chỉnh, bổ sung của Tổ công tác rà soát, điều chỉnh.
4. Các thành viên trong Tổ công tác rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo trao đổi ý kiến về việc điều chỉnh - bổ sung trong chương trình đào tạo.
5. TS. Phạm Văn Tuấn tổng hợp các ý kiến và thống nhất các nội dung rà soát, điều chỉnh trong chương trình đào tạo và phân công nhiệm vụ cho các cá nhân trong việc điều chỉnh lại chương trình đào tạo, đề cương chi tiết học phần, chuẩn đầu ra trước khi thông qua Hội đồng Khoa học Khoa, Hội đồng Khoa học và đào tạo Nhà trường.

Cuộc họp kết thúc hồi 11h30' cùng ngày, biên bản cuộc họp được các thành viên tham dự họp nhất trí thông qua.

THƯ KÝ CUỘC HỌP



KS. Bùi Thị Ngân

CHỦ TRÌ



TS. Phạm Văn Tuấn

BIÊN BẢN HỘI THẢO

Về việc điều chỉnh phiên bản chương trình đào tạo năm 2016 với năm 2018

Ngày....., Bộ môn Địa chất dầu khí đã tổ chức Hội thảo lấy ý kiến đóng góp về việc điều chỉnh phiên bản chương trình đào tạo ở trình độ Đại học ngành Kỹ thuật dầu khí, chuyên ngành Địa chất Dầu khí.

Thành phần tham dự:

- Thành viên Hội đồng khoa Khoa Dầu khí:
- Thành viên Tổ công tác rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo
- Các Đại biểu khách mời
- Chủ trì cuộc họp: TS. Phạm Văn Tuấn - Trưởng Bộ môn;
- Thư ký: KS. Bùi Thị Ngân - Giảng viên.

NỘI DUNG:

1. TS. Phạm Văn Tuấn chủ trì buổi hội thảo nêu lý do tổ chức cuộc họp.
2. TS. Lê Ngọc Ánh thay mặt Bộ môn Địa chất Dầu khí trình bày tóm tắt sự cần thiết về việc điều chỉnh phiên bản chương trình đào tạo ngành Địa chất Dầu khí các nội dung điều chỉnh - bổ sung, thay đổi trong CTĐT Địa chất Dầu khí.
3. Các thành viên tham dự cuộc họp phát biểu ý kiến:
 - **TS. Nguyễn Thế Vinh:** Số lượng 166 Tín Chỉ (TC) xây dựng cho chương trình đào tạo đại học là phù hợp. Nội dung chương trình phù hợp với chương trình đào tạo.
 - **TS. Phan Từ Cơ:** Rà soát chương trình đào tạo là công việc thường xuyên, xuất phát từ nhu cầu đào tạo của bộ môn và người học. Chương trình đào tạo đại học chuyên ngành Địa chất dầu khí chứng minh là đã có hiệu quả trong suốt hơn 40 năm qua trải qua nhiều khó khăn, thử thách xong vẫn khẳng định được mình. Tháng 09/2016, Bộ môn đã thẩm định chương trình đào tạo, bổ hướng chuyên sâu và hiện đang được sử dụng cho khóa 60, 61. Do vậy, chúng ta nên giữ nguyên chương trình đào tạo như hiện nay.
 - **PGS. TS. Triệu Hùng Trường:** Căn cứ trên sự khảo sát, tình hình công việc trong thực tế cũng như các định hướng nghiên cứu của bộ môn thì CTĐT của bộ môn là hợp lý, phù hợp với thực tế.
 - **TS. Nguyễn Thị Dậu:** Về cơ bản chương trình đào tạo đáp ứng được yêu cầu thực tế. Một số môn học thực hành là quan trọng, có thể nên bổ sung thêm giờ thực hành, như môn: Kiến tạo, Phân tích bề trầm tích, Địa hóa dầu khí.
 - **TS. Lê Quang Duyên:** Nhìn chung, chương trình đào tạo đáp ứng được yêu cầu chuyên môn Địa chất Dầu khí. Đồng ý với khối lượng và thời lượng đào tạo. Trong quá trình giảng dạy môn học các thuật ngữ chuyên ngành cần có điều chỉnh và chuẩn hóa thống nhất.

THE JOURNAL OF THE ROYAL ANTHROPOLOGICAL INSTITUTE

Volume 100, Part 1, 1970

1. The Journal of the Royal Anthropological Institute, Volume 100, Part 1, 1970, contains a number of papers on the subject of the evolution of man. The first paper, by Dr. J. Huxley, is a review of the work of Dr. R. A. Fisher. The second paper, by Dr. D. M. S. Watson, is a review of the work of Dr. R. A. Fisher. The third paper, by Dr. D. M. S. Watson, is a review of the work of Dr. R. A. Fisher. The fourth paper, by Dr. D. M. S. Watson, is a review of the work of Dr. R. A. Fisher. The fifth paper, by Dr. D. M. S. Watson, is a review of the work of Dr. R. A. Fisher. The sixth paper, by Dr. D. M. S. Watson, is a review of the work of Dr. R. A. Fisher. The seventh paper, by Dr. D. M. S. Watson, is a review of the work of Dr. R. A. Fisher. The eighth paper, by Dr. D. M. S. Watson, is a review of the work of Dr. R. A. Fisher. The ninth paper, by Dr. D. M. S. Watson, is a review of the work of Dr. R. A. Fisher. The tenth paper, by Dr. D. M. S. Watson, is a review of the work of Dr. R. A. Fisher.

11. The Journal of the Royal Anthropological Institute, Volume 100, Part 1, 1970, contains a number of papers on the subject of the evolution of man. The first paper, by Dr. J. Huxley, is a review of the work of Dr. R. A. Fisher. The second paper, by Dr. D. M. S. Watson, is a review of the work of Dr. R. A. Fisher. The third paper, by Dr. D. M. S. Watson, is a review of the work of Dr. R. A. Fisher. The fourth paper, by Dr. D. M. S. Watson, is a review of the work of Dr. R. A. Fisher. The fifth paper, by Dr. D. M. S. Watson, is a review of the work of Dr. R. A. Fisher. The sixth paper, by Dr. D. M. S. Watson, is a review of the work of Dr. R. A. Fisher. The seventh paper, by Dr. D. M. S. Watson, is a review of the work of Dr. R. A. Fisher. The eighth paper, by Dr. D. M. S. Watson, is a review of the work of Dr. R. A. Fisher. The ninth paper, by Dr. D. M. S. Watson, is a review of the work of Dr. R. A. Fisher. The tenth paper, by Dr. D. M. S. Watson, is a review of the work of Dr. R. A. Fisher.